HỢP TUYỂN THẦN HỌC

TẬP PHỔ BIẾN THẦN HỌC, PHÁT HÀNH KHÔNG ĐỊNH KỲ

Số 43&44
Năm XVIII (2008)

CHỦ ĐỀ:

Khái Luận Thần Học *về* *CHÚA THÁNH THẦN*

THẦN KHÍ HỌC [I]

HỢP TUYỂN THẦN HỌC

Tập phổ biến Thần học, phát hành không định kỳ

Chủ biên: M. Nguyễn Thế Minh, S.J.
Phụ biên: F. Gómez Ngô Minh, S.J.

Nhóm hợp tác: Phạm Văn Ái, S.J. (Úc Đại Lợi); Trần Đức Anh, O.P. (Ý Đại Lợi); Đỗ Quang Biên (†Hoa Kỳ); Vũ Kim Chính, S.J. (Đài Loan); Phan Đình Cho (Hoa Kỳ); Đinh Đức Đạo (Ý Đại Lợi); Trần Văn Hoài (Ý Đại Lợi); Vũ Xuân Huyên (Thụy Sĩ); Trần Văn Khả (Ý Đại Lợi); Lại Văn Khuyến (Hoa Kỳ); Nguyễn Tiến Lãng, CSsR (Pháp); Trần Đình Nhi (Hoa Kỳ); Nguyễn Văn Phương (Ý Đại Lợi); Nguyễn Văn Sĩ, OFM (Ý Đại Lợi); Nguyễn Đoàn Tân, OFM (Hoa Kỳ); Phan Tấn Thành, O.P. (Ý Đại Lợi); Hoàng Minh Thắng (Ý Đại Lợi); Nguyễn Chí Thiết (Pháp); Nguyễn Đức Thụ, S.J. (Úc Đại Lợi); Trần Ngọc Thụ (†Vatican); Bùi Hữu Thư (Hoa Kỳ); Nguyễn Trọng Tước, S.J. (Hoa Kỳ); Phạm Minh Ước, S.J. (Úc Đại Lợi); Phạm Văn Vượng (Phi Luật Tân).

Tòa soạn: 42 rue de Grenelle – 75343 Paris Cedex 07 – France
✆: *(01) 44 39 46 57 – fax: (01) 44 39 46 93*
e-mail: mimisj@htth.org

Ấn hành: 2943 Agua Vista Drive – San Jose, CA 95132 – USA
✆: *(408) 923 2707 – htth@htth.org – www.htth.org*

Tổng quản: *Vietnamese Theological Association*
1609 Lozano Drive – Vienna, VA 22182 – USA
✆: *(703) 281 7929 – htth@htth.org*

📖

Số 43&44 Năm XVIII (2008)

IV. Thần học về Chúa Thánh Thần

Như đã thấy, thần học đang phải đối diện với những khó khăn đặc biệt trong việc xác định cho thích đáng và minh bạch "bản tính" và "sự sống" của Chúa Thánh Thần. Sở dĩ phải dùng đến các từ "bản tính" và "sự sống" ở đây là bởi vì tất cả mọi thuật ngữ được dùng để nói về Thiên Chúa đều mang tính cách loại suy; và ở đây, với đối tượng nhắm tới là Chúa Thánh Thần, phép loại suy lại càng phải hơn bao giờ hết, được dùng đến. Nói về Ngôi Hai, Kinh Thánh dùng một số danh hiệu như: Giêsu, Con, Kitô, Lời,... có thể giúp gầy dựng nên các dạng loại Kitô học khác nhau. Còn đối với Ngôi Ba, ngữ vựng được dùng để giới trình tỏ ra là phong phú hơn nhiều nhưng cũng mơ hồ hơn rất nhiều, như: gió, nước, hơi thở, dấu ấn, việc xức dầu, ân huệ, tình yêu, v.v., và từ đó cũng đã làm phát sinh nhiều dạng Thần khí học, tức rất nhiều cách hiểu về Chúa Thánh Thần. Chỉ có một đức tin duy nhất, song lại có nhiều dạng loại thần học khác nhau. Phương Đông cũng như phương Tây đều đề xuất nhiều cách hiểu khác biệt nhau về Ba Ngôi, cách riêng là về Chúa Thánh Thần. Giữa tình trạng bất đồng đó, vấn đề nhiệm xuất của Thánh Thần đã trở thành một chủ đề nổi bật, đưa đến những tranh luận gay gắt, và rốt cuộc, đã được dùng làm lý chứng thần học biện minh cho việc chia rẽ chính trị vốn đã ngấm ngầm âm ỉ từ lâu.[1]

---

[1] Bao hàm cả hậu cảnh của nền thần học Ba Ngôi; xem W. Kasper, *The God of Jesus Christ*, New York: Crossroad, 1984; G. O'Collins, *The Tripersonal God; Understanding and Interpreting the Trinity*, New York, 1999; D. Coffey, *Deus Trinitas: The Doctrine of the Triune God*, New York, 2000.

Các hình ảnh và danh hiệu của Thánh Thần

Các hình ảnh cũng có thể được coi như là con đường dẫn tới chân lý. Cách hoạt động thông thường của lý trí con người là đi từ điều đã biết đến cái chưa biết, từ điều đã rõ đến cái mờ mịt, hoặc từ tình trạng khả giác đến cảnh giới khả tri, và cứ tiếp tục theo cung cách đó, v.v. Để nói về Chúa Thánh Thần, thì có thể vừa dựa vào những danh hiệu và hình ảnh được trình tả trong Kinh Thánh, vừa dựa vào những kinh nghiệm xuất phát từ Giáo hội và tâm hồn con người; và nhất thiết phải giải thích những danh hiệu, những hình ảnh và kinh nghiệm ấy làm sao để chúng trở thành sáng tỏ. Mỗi một hình ảnh, mỗi một danh xưng đều biểu thị một khía cạnh trong thực thể của Thánh Thần; thế nên, chỉ có một cách là đi qua con đường đối chiếu tất cả với nhau, rồi tổng hợp các cách cắt nghĩa lại, thì mới mong phác họa được một bức tranh tổng thể về thực thể muốn trình tả là Thánh Thần. Riêng đối với các kinh nghiệm, việc cắt nghĩa chúng lại càng tỏ ra khó khăn gấp bội, bởi các kinh nghiệm nội tâm có thể cho thấy một chứng cứ nào đó, song hiếm khi nào mang lại được một ý niệm rõ rệt về thực tại cảm nhận được qua kinh nghiệm. Do đó, thiết tưởng bao giờ cũng nên lưu ý rằng ở đây, ngôn ngữ biểu đạt luôn luôn mang tính cách ẩn dụ cao độ, phải được hiểu qua phép loại suy, nhất là khi đối tượng được giới trình là Mầu nhiệm Tuyệt đối;[2] đây là đối tượng mà trong những gì nhận thức được thì phần không đúng lớn hơn là phần đúng. Công đồng Latêranô thứ 4 (1215) đã dạy rằng, "giữa Đấng tạo hóa và các thụ tạo, không có một mức giống nhau lớn

[2] Xin xem [tác phẩm chung] *Metafore dell'invisibile*, Brescia 1984.

đủ để có thể làm cho mờ đi việc nhận ra rõ quãng cách khác biệt giữa đôi bên" (DH 806).

Danh hiệu thích đáng dành cho Thánh Thần

Chẳng hề có lấy một danh hiệu nào thích hợp và vừa vặn để biểu trình bản tính của Ngôi Ba Thiên Chúa cả. Dù vậy, dựa trên nền tảng Kinh Thánh, truyền thống đã dành cho Ngôi Ba một số danh hiệu nhất định, ngầm được coi là thích đáng; và thần học thường dùng đến ba trong các danh xưng đó: Chúa Thánh Thần, Tình Yêu, và Ân Huệ. Tự nó, từ ngữ Thần Khí cũng đã có thể được quy chiếu cho Thiên Chúa: "Thiên Chúa là Thần Khí" – Đức Giêsu đã nói như thế với người phụ nữ Samari – và Người muốn được tôn thờ "trong Thần Khí và sự thật" (Ga 4:24). Còn từ "thánh" thì chỉ về yếu tính của Thiên Chúa, và do đó, Cha, Con, và Thánh Thần đều chí thánh như nhau. Dù vậy, Tân Ước, đặc biệt là thánh Luca trong sách Công vụ Tông đồ, đã nhiều lần gọi Ngôi Ba là Chúa Thánh Thần; dựa theo đó, truyền thống Giáo Hội cũng đã tuyên xưng danh hiệu đó, cả trong kinh nguyện – phụng vụ – lẫn trong thần học nữa.

Tình Yêu (*Amor, Caritas*) – theo thánh Tôma Aquinô (I q.37 a.1), cũng như theo thần học phương Tây – là một danh hiệu dành riêng cho Chúa Thánh Thần. Trong Kinh Thánh, từ ngữ Tình Yêu xuất hiện như là một định nghĩa về chính Thiên Chúa: "Thiên Chúa là Tình Yêu" – thánh Gioan viết (1Ga 4:8) – và Người đã quá yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một của Người là Đức Giêsu Kitô (x. Ga 3:16; Rm 5:8). Tình Yêu Thiên Chúa hướng ngoại *(ad extra)*, được dành cho con người và nhắm đến các vật thụ tạo của Người. Song, lúc thần học quy gán danh hiệu này cho Thần Khí, thì nó lại diễn tả tình yêu trong lòng Ba

Ngôi *(ad intra)*, tức là tình yêu mà Cha và Con dành cho nhau. Theo cách diễn tả của các Giáo phụ, như đóa hồng ngát tỏa hương thơm, như mật ong mang lại vị ngọt, chính tình yêu nội tại giữa Cha và Con đã "thở ra" Thánh Thần. Bởi đó, Thánh Thần được gọi là Tình Yêu của Cha và Con, là "hiệu quả" của mối tình sâu đậm đó. Với ý nghĩa ấy, Thánh Thần còn được gọi là Dây Se Tình Yêu – *Vinculum Amoris* – kết buộc Cha và Con lại với nhau. Thần học kinh viện – khi bàn về danh hiệu *Tình Yêu* cách "chuyên môn"– đã cho rằng: nói theo cách "cốt tính" *(essentialiter)*, "Tình Yêu" được áp dụng ngang nhau cho cả Ba Ngôi; nói theo cách "biệt ký" *(notionaliter)*, nó biểu thị mối tương ái sống động giữa Cha và Con, và trở thành nguồn phát xuất của Thánh Thần; và nói theo cách "ngôi vị" *(personaliter)*, từ ngữ này được dành riêng để chỉ Thánh Thần.[3]

Ân Huệ – *Donum* – là một danh hiệu khác của Chúa Thánh Thần, bởi vì, như đọc thấy trong Kinh Thánh, Đức Giêsu đã hứa là Ngài, hoặc Cha, sẽ ban tặng Thánh Thần vì tình yêu. Thánh Âugutinô giải thích rằng, để biểu thị mối hiệp thông giữa Cha và Con, "Chúa Thánh Thần được coi như là ân huệ của cả hai";[4] và ngài giải thích thêm rằng, xét theo tư thế là Đấng phát xuất từ nơi Cha, thì Thánh Thần là Đấng Được Ban, và xét theo tình trạng cư ngụ nơi các thánh, thì Người được gọi là Ân Huệ. Trong Ba Ngôi, Cha không thể được chuyển ban, bởi vì Ngài là nguồn gốc tuyệt đối của mọi sự; chỉ có Con và Thánh

---

[3] Thánh Tôma Aquinô, *Tổng Luận Thần Học*, I q.37 a.1.

[4] *De Trinitate*, V. xi.12; x. Joseph Ratzinger, "Retrieving the Tradition. The Holy Spirit as Communio: Concerning the Relationship of Pneumatology and Spirituality in Augustine," *Communio* 25 (1998) 324-337.

Thần là được trao ban, được gửi đến thế gian, mà thôi. Dù vậy, chỉ có một mình Thánh Thần mới được gọi là Ân Huệ bởi vì Người được trao ban bởi cả Cha và Con, và Người là Tình Yêu, là gốc nguồn của mọi thánh ân. Đức Gioan Phaolô II viết rằng: "Có thể nói rằng, trong Chúa Thánh Thần, đời sống mật thiết của Ba Ngôi Thiên Chúa đã trở nên một ân huệ trọn vẹn, một tình trạng chuyển thông của mối tương ái giữa các Ngôi Vị; và thông qua Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa 'tồn tại' trong dạng thức là ân huệ. Chúa Thánh Thần chính là hiện thân của ân huệ tự trao ban, của tình yêu hằng hữu. Người là Ngôi Vị-tình yêu. Người là Ngôi vị-ân huệ."[5] Đó là lý do tại sao bài phụng ca *Veni, Creator Spiritus* gọi Đấng Bảo Trợ là "Ân huệ của Thiên Chúa Tối Cao." Trong bài giảng đầu tiên sau ngày Lễ Ngũ Tuần, thánh Phêrô đã mời gọi thính giả nghe ngài hoán cải và đón nhận phép rửa, để "anh em sẽ nhận được ân huệ là Thánh Thần" (x. Cv 2:38; 10:45);[6] qua lời mời gọi đó, thánh nhân muốn xác quyết rằng, "Chúa Thánh Thần chính là ân huệ." Các người viết tiểu sử thánh thường đề cập nhiều hơn đến những ân huệ Chúa Thánh Thần trao ban; song, vì là Thiên Chúa và là Tình Yêu, nên Thánh Thần cũng tự thông ban chính Người qua các ân huệ đó nữa. Bởi thế, dù có coi ơn thánh hóa như là một ân sủng thụ tạo, thì thần học cũng luôn giả định về tình trạng có mặt của ân sủng vô tạo nữa, tức là sự hiện diện của chính Đấng ban ơn Thánh Hóa. Với nhãn quan này, thần học coi Chúa Thánh Thần như là *ân huệ đầu tiên*, bởi vì điều trước hết "được trao ban" trong bất cứ một ân huệ nào, luôn là tình yêu và là chính Đấng ban tặng.

---

[5] Thông điệp *Dominum et Vivificantem*, số 10.
[6] Xin xem Dt 6:4; Ga 4:10; 7:39.

a. Chúa Thánh Thần

Như đã thấy, thuật ngữ "Thần Khí" mang một ý nghĩa rất dồi dào trong Kinh Thánh, từ ý chỉ gió cho đến nghĩa biểu thị sự hiện diện thánh thiêng. "Thánh" có nghĩa là thần linh, là thuộc về Thiên Chúa; và vì chỉ có Thiên Chúa mới được gọi là Đấng Thánh, nên Thánh Thần – cũng như Thần Khí – chính là Thiên Chúa.

Thần Khí là một thực tại vô hình, tựa như gió vậy. Nếu coi đó là một sự vật, thì sự vật đó vô hình; nếu coi đó là một con người, thì con người đó không thấy mang một bộ mặt cụ thể nào; và do đó, chỉ có thể quả quyết được một điều duy nhất là: Thần Khí không phải là sự này điều nọ; Ngài không phải là được tạo thành, không phải là vật chất. Trong Kitô giáo, có một số ý niệm chỉ về các thần khí thụ tạo, như: bậc thiên thần,[7] giới vong linh,[8] lớp thần dữ,[9] v.v.; song, những thực thể này không phải là thần linh; chúng bị giới hạn về mặt hiện hữu và năng quyền; vả lại, mức độ hiểu biết của con người về chúng thì rất mờ nhạt, thiếu chính xác và không có gì là chắc chắn.

Thánh Thần chính là Thiên Chúa và, do đó, có những phẩm tính tuyệt đối của Thiên Chúa, như: vô

---

[7] "Người làm cho *thiên thần* của Người nên những luồng gió, và thuộc hạ của Người thành những ngọn lửa." ... "Nào tất cả các vị đó không phải là những bậc thần thiêng chuyên lo phụng thờ Chúa, được sai đi phục vụ để mưu ích cho những kẻ sẽ được thừa hưởng ơn cứu độ sao?" (Dt 1:7.14).

[8] "Người đã đến rao giảng cho các *vong linh* bị giam cầm, tức là những người xưa đã không vâng phục Thiên Chúa, trong thời Thiên Chúa kiên nhẫn chờ đợi, nghĩa là thời ông Nôê đóng tàu..." (1Pr 3:19-20).

[9] "Chiều đến, người ta đem nhiều kẻ bị quỷ ám tới gặp Đức Giêsu. Người nói một lời là trừ được các *thần dữ* ..." (Mt 8:16).

tạo, hằng hữu, vô biên, toàn năng. Bởi đó, hễ có bất cứ một phẩm tính nào được quy gán cho Thiên Chúa, tất nó cũng phải được quy gán cho chính Thánh Thần.

b. Các cách giải thích về danh hiệu Thánh Thần

Các tính ngữ khác nhau – thường thấy đi kèm với từ Thần Khí – đã giúp soi sáng để rõ thêm về đối tượng muốn tìm hiểu; có thể đọc thấy các cụm từ bổ túc ý nghĩa này trong Kinh Thánh và trong phụng vụ Giáo hội.

— THẦN KHÍ SÁNG TẠO là tên của một bài phụng ca nổi tiếng (*Veni, Creator Spiritus...*), nêu bật vai trò của Thần Khí trong công cuộc sáng tạo. Văn đoạn Kinh Thánh mà bài phụng ca này dựa vào để triển khai là Thánh vịnh 104:30: "Sinh khí [Ruah=Khí] của Ngài, Ngài gửi tới, là chúng được dựng nên, và Ngài đổi mới mặt đất này." Còn đối với văn đoạn St 1:2, dù nó mang ý nghĩa nước đôi, nhưng truyền thống Giáo hội và thần học kitô cũng đã nhìn thấy ở đó hoạt động của Thần Khí, trong tư cách vừa là "ngón tay của Thiên Chúa" – tức là "tiếp điểm" giữa Ba Ngôi Thiên Chúa với các vật thụ tạo – vừa là tình yêu, bởi Thiên Chúa thực hiện mọi sự vì tình yêu. Bằng cặp mắt đức tin, người kitô có thể "nhìn ra" sự hiện diện của Thánh Thần trong hết thảy những gì đang tồn tại; nhờ Người, mọi thụ tạo được hiện hữu và trở nên sống động, cũng như mặc lấy vẻ đẹp rực rỡ, huy hoàng. Danh hiệu Thần Khí Sáng Tạo luôn đi đôi với các ý niệm về quyền năng và sự sống.

— QUYỀN NĂNG ĐẤNG TỐI CAO: "Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà, và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà, vì thế, Đấng Thánh sắp sinh

ra sẽ được gọi là Con Thiên Chúa" (Lc 1:35). Trong tư cách là "ngón tay" hay "bàn tay" của Cha, Thần Khí sẽ thực hiện những việc lạ lùng, làm nên những kỳ công, và tỏ cho thấy uy quyền của Thiên Chúa (*mirabilia/magnalia Dei)*; trong đó, biến cố hàng đầu và cao cả nhất mà Thần Khí thực hiện chính là cuộc Nhập Thể của Ngôi Hai. Kế đến, hành động thứ hai tỏ rõ uy quyền của Thiên Chúa, như Giáo hội đã nhận ra, là ơn tha thứ tội lỗi, điều đọc thấy trong lời nguyện của Chúa nhật thứ 26 mùa thường niên: "Lạy Chúa, khi Chúa thương xót và tha thứ, chính là lúc Chúa biểu lộ quyền năng cách tỏ tường hơn cả..." Tiếp nữa, có thể kể đến các hành động can thiệp vào dòng lịch sử, chẳng hạn như là việc giải phóng dân tộc bằng "cánh tay uy quyền" của Thiên Chúa (Xh 32:11; Đnl 4:34; v.v.). Do đó, hễ nơi nào quyền năng Thiên Chúa được biểu lộ – cả trong cuộc sáng tạo, lẫn trong cuộc tái tạo (phép rửa, ơn thánh hóa, sự sống lại,...) – thì nơi đó, Thần Khí hiện diện.

— THẦN KHÍ SỰ SỐNG, hoặc THẦN KHÍ BAN SỰ SỐNG, là danh hiệu biểu thị quyền năng Thiên Chúa trong hành vi sống động hóa mọi hữu thể tự nhiên lẫn siêu nhiên. Thánh Phaolô trình bày sơ quát về dạng sự sống mà Thần Khí ban tặng: Người không chỉ làm cho con người trở nên sống động, mà còn làm cho họ có thể sống tự do trong tư cách là con cái Thiên Chúa: "Vậy giờ đây, những ai ở trong Đức Kitô Giêsu, thì không còn bị lên án nữa. Thật vậy, luật của Thần Khí ban sự sống trong Đức Kitô Giêsu, đã giải thoát tôi khỏi luật của tội và sự chết" (Rm 8:1-2). Trong văn đoạn vừa nêu, thần học đọc thấy hai phương diện: a) mặt tiêu cực, tức là việc tha thứ tội lỗi, và b) mặt tích cực, tức là việc nâng phẩm giá con người lên bậc nghĩa tử. Trong kinh Tin kính,

Thánh Thần được tuyên xưng là "Chúa và là Đấng ban Sự sống" (*vivificans)*; bởi đó, Ngôi Ba Thiên Chúa chuyển ban cho con người sinh khí của Người (x. St 2:7); hơn nữa, nhờ đó, con người còn được thông phần vào bản tính Người (x. 2Pr 1:4), Đấng là "Thiên Chúa hằng sống" (x. Mt 16:16). Điều này cắt nghĩa việc có thể dành cho Ngôi Ba một tên gọi khác, đó là: "Thần Khí của Thiên Chúa Hằng sống" (2Cr 3:3). Dù vậy, hành động ban sự sống này đã đạt tới cực điểm của nó với cuộc phục sinh của Đức Giêsu và, do đó, của cả chúng ta nữa: "Nếu Thần Khí ngự trong anh em, Thần Khí của Đấng đã làm cho Đức Giêsu sống lại từ cõi chết, thì Đấng đã làm cho Đức Giêsu sống lại từ cõi chết, cũng sẽ dùng Thần Khí của Người đang ngự trong anh em, mà làm cho thân xác của anh em được sự sống mới" (Rm 8:11).

— THẦN KHÍ CỦA LỜI HỨA. Thánh Phaolô đã nói về "Thánh Thần, Đấng Thiên Chúa hứa ban" (Ep 1:13), và về "lời hứa ban Thần Khí" (Gl 3:14). Trong lần đầu tiên đề cập đến việc "ban Thánh Thần đã hứa" – Thánh Thần mà Đấng Phục Sinh đã nhận lãnh từ nơi Cha (x. Cv 2:33) – thánh Phêrô đã xác định rõ ràng rằng Đấng ấy chính là Thần Khí mà các ngôn sứ đã từng hứa trong Cựu Ước, là Đấng được mong đợi sẽ xuất hiện vào thời Thiên Sai đến. Với ý nghĩa này, Thánh Thần gồm thâu nơi mình tất cả mọi ân huệ của Thiên Chúa, và trở thành Đấng hoàn tất mọi biến cố cứu độ của Thiên Chúa đã trải rộng suốt dòng lịch sử và nơi mỗi con người. Tất cả những gì Lời Thiên Chúa đã phán ra đều được hiện thực hóa trong Thánh Thần; mọi điều Thiên Chúa dự định làm cho và với con người, đều trở thành hiện thực nhờ Thánh Thần. Có thể lược trình ra đây một danh sách bao hàm các điều Thiên Chúa hứa: ơn tha thứ, ơn giải thoát, sự sống

dồi dào, ơn làm nghĩa tử, việc Thiên Chúa hiện diện giữa con người – Emmanuen! – v.v., tất cả những lời hứa đó đều được hoàn tất trong Thánh Thần. Với việc ban tràn đầy Thánh Thần, thời cánh chung – tức vào thời gian cứu độ ấn định – đã xuất hiện; không một lời hứa nào, không một niềm trông đợi nào, không một hành vi trao ban nào, có thể vượt quá được thực tại ấy. Nhờ đó, tình huynh đệ phổ quát, nước Thiên Chúa, nền văn minh tình yêu, v.v. đều trở thành khả dĩ trong Chúa Thánh Thần.

— THẦN KHÍ BAN ÂN SỦNG ắt cũng mang một ý nghĩa tương tự: tác giả thư Do thái đã nghiêm khắc cảnh cáo những ai "đã chà đạp Con Thiên Chúa, đã xúc phạm đến Máu Giao Ước đã thánh hiến mình và nhục mạ Thần Khí ban ân sủng" (Dt 10:29). Lời lẽ đó dường như là một tiếng vẳng vọng lời tiên tri Dacaria đã từng nói: "Ta sẽ đổ xuống cho nhà Đavít... thần khí của ân sủng, giúp chúng biết sống đẹp lòng Ta và tha thiết cầu nguyện, và chúng sẽ ngước nhìn lên Đấng chúng đã đâm thâu, và chúng sẽ khóc than Người như người ta khóc than đứa con một..." (Dcr 12:10). Trên đồi Canvê, Gioan đã thấy các lời tiên tri ấy được ứng nghiệm (x. Ga 19:37) qua sự việc nước và máu cùng đổ ra từ trái tim Đức Kitô: một dấu hiệu nói lên việc đổ dư tràn Thần Khí nhờ trung gian là người Tôi Trung đau khổ (x. Is 52:13-53:12) và việc khai mở thời đại ân sủng. Tất cả các lời hứa về giao ước mới (x. Gr 31:31-34) đều đã được hiện thực hóa trong ân huệ là Thánh Thần, được đảm bảo nhờ hy tế của Đức Kitô được dâng lên qua "Thánh Thần hằng hữu" (Dt 9:13-14). Qua hy tế này, và nhờ Thánh Thần này, giờ đây, mọi thánh ân đã sẵn sàng để được ban phát và con người được khuyến khích hãy mạnh dạn

tiến gần đến "ngai ân sủng" (4:16), bước vào cung lòng Thiên Chúa đầy nhân ái và xót thương.

— THẦN KHÍ SỰ THẬT – như lời Đức Giêsu đã nói trong Ga 14:17; 16:13 – chính là Thầy dạy của các ngôn sứ cũng như của các tác giả khác trong Kinh thánh; hành động dạy dỗ ấy thần học gọi là tác động "linh hứng." Bên cạnh đó, Người còn là Đấng đảm bảo xác thực tính của các chân lý mạc khải trong Giáo hội, qua một cách thế quan phòng mà thần học gọi là tác động "hộ trợ." Giải thích văn đoạn Kinh Thánh vừa trưng dẫn, thánh Tôma viết: "Nơi chúng ta, việc thụ nhận và suy tư chân lý làm cho lòng ta mến mộ chân lý; cũng tương tự như thế, trong Thiên Chúa, hành động thụ nhận (= tựa như thụ thai) chân lý tức là Con, dẫn đến sự việc Tình Yêu phát xuất; và bởi phát xuất từ chính Chân lý, nên Tình yêu ấy (=Thần khí) dẫn đến việc hiểu biết chân lý... bởi vì chính tình yêu mới vén tỏ những gì bí ẩn."[10] Thánh Thần được gọi là "Thần Khí Sự Thật" bởi vì a) Người xuất phát từ Sự Thật (tức là từ Con; x. Ga 14:16), b) Người vén tỏ những gì bí ẩn nơi Thiên Chúa (1 Cr 2:10), và c) Người đối nghịch với tà khí/tà thần gian dối (Ga 8:44). Trong bữa tiệc ly, Đức Giêsu bảo rằng thế gian không thể đón nhận Thần Khí này được (Ga 14:17) bởi vì sự thật của Người là hoàn toàn đối lập với các chuẩn mực của thế gian đến độ, trên thực tế, tình trạng đối nghịch đó sẽ dẫn đến sự việc thế gian bị lên án (16, 8:11). Trong thư gửi tín hữu Côrintô, thánh Phaolô đã khai triển thêm về điểm này qua việc so sánh kiểu khôn ngoan thế gian với đường lối khôn ngoan của người kitô, rồi đưa ra kết luận như sau: "Con người sống theo tính tự nhiên

---

[10] *In Joannem*, XIV, 4

thì không đón nhận những gì thuộc Thần Khí Thiên Chúa, vì họ cho là sự điên rồ, và họ không thể hiểu được..." (1Cr 2:14). Do đó, có thể nói rằng, Thần Khí đang hành động tại điểm tiếp giao giữa đức tin với lý trí, giữa tôn giáo với khoa học, giữa Kitô giáo với các tôn giáo hay các ý thức hệ khác.

— THẦN KHÍ BAN ƠN LÀM NGHĨA TỬ là một danh hiệu được thánh Phaolô giải thích trong văn đoạn sau đây: "Vì Thần Khí mà anh em đã lãnh nhận được đâu phải là tinh thần nô lệ, khiến anh em phải sợ sệt như xưa; nhưng là Thần khí làm cho anh em nên nghĩa tử, khiến chúng ta được kêu lên: 'Ápba, Cha ơi!'" (Rm 8:15); cũng với các lời lẽ tương tự, ở một văn đoạn khác, ngài viết: "Để chứng thực anh em là con cái, Thiên Chúa đã sai Thần khí của Con mình đến ngự trong lòng anh em mà kêu lên: 'Ápba, Cha ơi!'" (Gl 4:6). Sở dĩ chúng ta được nhận làm con cái Thiên Chúa – và quả là như vậy, như lời thánh Gioan đã xác quyết (x. 1Ga 3:2) – là do Thần Khí. Thần Khí ấy đã làm cho Lời của Cha thành người trong cung lòng Đức Maria thể nào, thì Người cũng làm cho chúng ta trở nên con cái của Cha trong lòng Giáo hội thể ấy. Nhờ Thần Khí, chúng ta mới được phép tuyên xưng rằng: "Đức Giêsu là Chúa" (1Cr 12:3); nhờ Thần Khí, chúng ta mới có thể cầu nguyện mà thưa lên rằng "Lạy Cha chúng con." Nếu trong Ba Ngôi Thiên Chúa, Chúa Thánh Thần chính là dây se tình yêu giữa Cha và Con, thì cũng tương tự như vậy, nơi chúng ta, Người là dây tình yêu thắt buộc chúng ta với Cha ở trên trời và với con cái Cha ở dưới đất.

— THẦN KHÍ CỦA CHA, bởi vì Người phát xuất từ nơi Cha (x. Ga 15:26) và được Cha ban xuống thế gian (x. Ep 1:17). Văn đoạn trước làm cho liên tưởng đến Cha của Ngôi Lời và tình trạng nhiệm xuất đời

đời của Thánh Thần; văn đoạn sau làm cho liên tưởng đến Cha của chúng ta và về sứ mệnh của Thánh Thần. Đức Giêsu nói rằng: "Khi người ta nộp anh em, thì anh em đừng lo phải nói làm sao hay phải nói gì, vì trong giờ đó, Thiên Chúa sẽ cho anh em biết phải nói gì; thật vậy, không phải chính anh em nói, mà là Thần khí của Cha *anh em* nói trong anh em" (Mt 10, 19: 20). Danh hiệu THẦN KHÍ CỦA THIÊN CHÚA (x. Rm 8: 9.14; 15:19; 1Cr 6:11; 7:40) cũng mặc lấy một ý nghĩa tương tự, bởi vì trong Tân Ước, hầu như "Thiên Chúa" luôn có nghĩa là Cha. Dù thế, đôi lúc, cách diễn tả này cũng để lộ tính chất nước đôi; bởi vì, một đàng, danh hiệu này có thể được hiểu theo ý nghĩa của Cựu Ước – tức ám chỉ về quyền năng hay sự khôn ngoan của Thiên Chúa, v.v., như khi Đức Giêsu nói: "Còn nếu tôi dựa vào Thần khí của Thiên Chúa mà trừ quỷ, thì quả là triều đại Thiên Chúa đã đến giữa các ông" (Mt 12:28) – và đàng khác, nó cũng có thể được hiểu như là một lối nói vòng vo về chính Thiên Chúa, như thánh Phaolô viết: "Nào anh em chẳng biết rằng anh em là đền thờ của Thiên Chúa, và Thánh Thần Thiên Chúa ngự trong anh em sao?" (1Cr 3:16). Nếu ra sức mà tạm để một bên những chỗ tỏ ra là thiếu rõ ràng, thì phần lớn những văn đoạn nói về Thần Khí của Thiên Chúa đều biểu thị rõ ràng thiên tính của Người, bởi vì mọi hành động của Người đều mang tính cách thánh thiêng, mà những hành động dạng đó chỉ duy nhất Thiên Chúa mới có thể làm được: "Vậy ai trong loài người biết được những gì nơi con người, nếu không phải là thần trí của con người trong con người? Cũng thế, không ai biết được những gì nơi Thiên Chúa, nếu không phải là Thần Khí của Thiên Chúa" (1Cr 2:11).

THẦN KHÍ CỦA ĐỨC KITÔ là một danh hiệu khác của Thánh Thần, đồng nghĩa với "Thần Khí của Thiên Chúa": "Nhưng anh em không bị tính xác thịt chi phối, mà được Thần khí chi phối, bởi vì *Thần khí của Thiên Chúa* ngự trong anh em. Ai không có *Thần khí của Đức Kitô*, thì không thuộc về Đức Kitô" (Rm 8:9). Thánh Âugutinô đã bình luận về văn đoạn này như sau: "Anh em đã nghe chính miệng Chúa (=Kitô) công bố rằng: 'Chẳng phải là anh em nói, song là Thần Khí của Cha anh em nói trong anh em.' Tương tự như thế, anh em cũng đã nghe lời thánh Tông đồ tuyên xưng như sau: 'Thiên Chúa đã gửi Thần Khí của Con Ngài vào lòng anh em.' Như thế, phải chăng là có đến hai thần khí: một thần khí của Cha, và một thần khí của Con? Chắc chắn là không. Nếu chỉ có một Cha duy nhất, một Con duy nhất, tất cũng chỉ có một Thần Khí duy nhất mà thôi, và do đó, Người là Thần Khí của cả hai... Thế thì, tại sao anh em lại từ chối tin rằng Người cũng xuất phát từ Con, vì Người cũng là Thần Khí của Con? Nếu Người chẳng xuất phát từ Con, thì Đức Giêsu, lúc hiện ra với các môn đệ của Ngài sau cuộc Phục sinh, hẳn đã không thở hơi trên họ và bảo rằng 'hãy nhận lấy Thánh Thần.' Quả vậy, hành động thở hơi này muốn nói gì nếu không phải là muốn nói lên rằng Thần Khí cũng phát xuất từ Ngài nữa?"[11] Ngoài ra, cũng có thể đọc thấy một số cách diễn tả khác, như: "THẦN KHÍ CỦA CON" (Gl 4:6), "THẦN KHÍ CỦA ĐỨC GIÊSU KITÔ" (Pl 1:9), "THẦN KHÍ CỦA ĐỨC GIÊSU" (Tv 16:7), và "THẦN KHÍ CỦA ĐỨC CHÚA" (2Cr 3:17-18); tất cả đều có nghĩa là quyền năng và mọi hoa trái xuất phát từ công trình cứu độ của Đức Kitô đã trổ sinh trong chúng ta nhờ bởi Thần Khí. Thánh

[11] *In Joan.*, tr. xcix, 6, 7 trong P.L., XXXV, 1888.

Phaolô đã coi ơn công chính hóa như là công trình của cả Con lẫn Thánh Thần trong một hành vi bí tích duy nhất: "nhưng anh em đã được tẩy rửa, được thánh hóa, được nên công chính nhờ danh Chúa Giêsu Kitô và nhờ Thần Khí của Thiên Chúa chúng ta" (1Cr 6:11). Và tác động *hiệp lực* giữa hai Ngôi Vị vẫn tiếp tục diễn ra trong tiến trình đời sống thiêng liêng kitô hữu: "Tất cả chúng ta, mặt không che màn, chúng ta phản chiếu vinh quang của Chúa như một bức gương; như vậy, chúng ta được biến đổi nên giống cũng một hình ảnh đó, ngày càng trở nên rực rỡ hơn, như do bởi tác động của Chúa là Thần Khí" (2Cr 3: 18). Suy diễn từ các danh hiệu đó, thần học Latinh sẽ rút ra các kết luận tương tự như các nhận định ở trên của thánh Âugutinô; nhưng đó là chuyện khác, như sẽ đọc thấy trong phần tiếp theo sau đây.

— THẦN KHÍ THÁNH là danh hiệu mà thánh Phaolô nhắc đến trong lời mở đầu thư gửi tín hữu Rôma: "Xét như một người phàm, Đức Giêsu Kitô xuất thân từ dòng dõi vua Đavít; nhưng xét như Đấng đã từ cõi chết sống lại nhờ Thần Khí Thánh, Người đã được đặt làm Con Thiên Chúa với tất cả quyền năng" (Rm 1:3-4). Thần Khí "Thánh" có nghĩa là "Thánh" Thần; cách biểu đạt này có nguồn gốc từ Tv 51:13 và từ Is 63:10. Thuật ngữ này nhấn mạnh vào vai trò mà Thánh Thần đóng giữ trong biến cố tôn vinh đấng Mêsia, hoặc trong cuộc xức dầu tấn phong Ngài ("Thiên Chúa đã dùng Thánh Thần và quyền năng mà xức dầu tấn phong Người," Cv 10:38). Đôi lúc, cuộc phục sinh của Đức Giêsu cũng được quy gán cho quyền năng Thánh Thần; "Thần Khí ban sự sống" và "Quyền Năng của Đấng Tối Cao" – như đã miêu trình ở trên – đều thấy hoạt động đồng thời trong Đức Kitô: Thần Khí ấy hoạt động trong biến cố

Nhập Thể (x. Lc 1:32-35), trong cuộc biểu lộ phận thánh tử qua biến cố chịu phép rửa (x. Mc 1:10-11), và đặc biệt là trong cuộc phục sinh (x. Rm 8:11); chính nhờ "quyền năng phục sinh" (x. Pl 3:10) trong Thánh Thần mà, giờ đây, kế hoạch "đưa thời gian tới hồi viên mãn, quy tụ muôn loài trong trời đất dưới quyền một thủ lãnh là Đức Kitô" của Thiên Chúa đang đi đến chỗ thành tựu.

— THẦN KHÍ QUYỀN NĂNG – hoặc là, quyền năng của Thần Khí – chính là sức năng động được biểu lộ suốt trong lịch sử cứu độ: "Thánh Thần... quyền năng của Đấng Tối Cao" hoạt động trong biến cố Nhập Thể (x. Lc 1:35); quyền năng ấy đã hướng dẫn Đức Giêsu trong sứ vụ của Ngài (x. Lc 4:14), quyền năng ấy cũng tiếp tục hướng dẫn Giáo hội (x. Cv 1:8). Thánh Phaolô đã hăng say làm việc "bằng quyền năng của Thánh Thần" (Rm 15:19), rao giảng theo "bằng chứng xác thực của Thần Khí và quyền năng" (1Cr 2:4) nhờ đó, công trình ngài thực hiện đã sinh hoa kết trái (x. 1Tx 1:5). Cầu nguyện cho hết mọi kitô hữu, thánh Tông đồ đã xin Chúa Cha – "thể theo sự phong phú của Người là Đấng vinh hiển – ban cho anh em được củng cố mạnh mẽ nhờ Thần Khí của Người, để con người nội tâm nơi anh em được vững vàng" (Ep 3:16).

— THẦN KHÍ VINH HIỂN là một danh hiệu có thể đọc thấy trong 1Pr: "Nếu bị sỉ nhục vì danh Đức Kitô, anh em thật có phúc, bởi lẽ Thần Khí vinh hiển và uy quyền, là Thần Khí của Thiên Chúa, ngự trên anh em" (1Pr 4:14). Trong các thời kỳ bách hại, Thần Khí luôn hiện diện để phù trợ cho các chứng nhân của Đức Kitô (x. Mt 10:20; Lc 12: 11-12; Ga 14:26; 16:7-15); và quả thực, việc bị bách hại vì đức công chính là việc đáng được tôn vinh (x. 1Pr 2:20; 3:

14.17). Kinh Thánh thường kết nối "vinh quang" với "Thánh Thần" (x. 2Cr 3:18; Ep 1:17; 3:16). Một số nhà bình luận cho rằng, ở đây, thư thứ nhất của thánh Phêrô đã tóm kết văn đoạn Is 11:2, nêu bật sự việc các ơn huệ phong phú của Thần Khí – mà các ngôn sứ đã hứa – giờ đây đã được trao ban đến các kitô hữu đang chịu cảnh bách hại.[12] Dường như thánh Phêrô cũng muốn nói rằng *shekinah* (thần cư, hoặc áng mây) biểu thị sự hiện diện của Thiên Chúa; do vậy, chính trong Thần Khí mà chúng ta có thể "đi vào đám mây" và ở lại với Thiên Chúa. Các Giáo phụ – cách riêng là thánh Grêgôriô thành Nixa và thánh Hilariô thành Poitier – đã đồng nhất hóa Thánh Thần với cảnh giới vinh quang.[13] Còn trong phụng vụ, bài phụng ca "Vinh danh Thiên Chúa trên các tầng trời..." được kết thúc bằng những ca từ như sau: "... cùng Đức Chúa Thánh Thần trong vinh quang Đức Chúa Cha."

— THẦN KHÍ LINH HỨNG CHO NGÔN SỨ là danh hiệu xuất hiện trong sách Khải Huyền: "Lời chứng của Đức Giêsu là Thần Khí linh hứng cho ngôn sứ" (Kh 19:10). Đây là lời chứng về Ngôi Lời Thiên Chúa mà Thần Khí – đã từng linh hứng cho các ngôn sứ thời xưa – vẫn tiếp tục linh hứng cho Giáo hội nhằm làm chứng cho Ngôi Lời đã thành xác phàm (x. Kh 1:2; 6:9; 12:17). Để rõ thêm, xin xem lại cách giải thích về danh hiệu "Thần Khí Vinh Hiển" ở trên.

---

[12] Xin xem Donald P. Senior, *1 Peter*, Sacra Pagina 15, Collegeville: The Liturgical Press, 2003, tt. 129-130.

[13] Xem Marie-Dominique Molinié, *Le Saint Esprit et la Gloire*, Paris : Téqui, 1998; Ladaria Luis F., "La 'unción de la gloria celeste'. Gloria y Espíritu Santo en Hilario de Poitiers", *Revista catalana de teología*, 25 (2000) tt. 131-140

— THẦN KHÍ HẰNG HỮU, được nhắc đến trong Dt 9:14, biểu thị ý nghĩa sau đây: hy tế Đức Kitô đã dâng lên không thể được hiểu đơn giản như là một hành vi, hoặc biến cố mang tính cách lịch sử hay tôn giáo, nhưng phải được nhìn nhận như là một cuộc đền tội siêu việt nhờ Thần Khí của Ngài; trước tiên, danh hiệu này nói lên *thần tính* của Ngài chứ không chỉ tinh thần *nhân tính* của Ngài mà thôi.[14] Thần Khí giống như là một bầu không khí, trong đó, thiên tính sinh động hóa nhân tính, giúp cho mọi hành vi thờ phượng có thể diễn ra "trong Thần Khí và sự thật" (Ga 4:23). Ý nghĩa biểu đạt của danh hiệu này còn mang tính chất mập mờ và không nhất thiết đòi phải hiểu "Thần khí" như là Ngôi Ba Thiên Chúa, nhưng chỉ như là một "phẩm chất" của vị Thượng Tế (là Đức Kitô) và của hy lễ mà Ngài trao hiến; nói cách khác, danh hiệu này chỉ phác họa cho thấy một tầm kích "vĩnh cửu" trong đó, Đức Kitô là Thiên Chúa và các hành động của Ngài vượt lên trên không gian và thời gian. Điều này làm cho nhớ lại rằng hoạt động của Đức Kitô và của Thần Khí là một – trong một tình trạng kết hiệp mật thiết đến độ bất khả phân ly, thậm chí là bất khả phân định – khiến cho thánh Tông đồ phải thốt lên rằng: "Chúa là Thần Khí" (2Cr 3:17).

Đấng Bảo Trợ

Chỉ duy nhất thánh Gioan dùng đến thuật ngữ này. 1Ga 2:1 gọi Đức Giêsu là *Parakletos*, là Đấng bào chữa và là vị trung gian cho việc ban ơn tha thứ mọi tội lỗi, hiện đang ngự trên trời cùng với Cha. Trong

---

[14] Xin xem McGrath, John J. S.J, *Through the Eternal Spirit: An Historical Study of the Exegesis of Hebrews 9: 13-14*, Rome: Prontificia Univ. Gregoriana, 1961.

Tin Mừng thứ tư, thuật ngữ trên còn được hiểu theo nghĩa chỉ về "một Đấng Bảo Trợ khác" (14:16), và Đấng này đang hiện diện giữa thế gian cùng với các môn đệ; bởi có nhiều cách hiểu khác nhau về các tác vụ của Thần Khí, nên thuật ngữ *Parakletos* được diễn dịch ra thành nhiều danh hiệu khác nhau, như: Đấng Bầu Chữa, Đấng An Ủi, Đấng Cố Vấn (x. Ga 14: 16.26; 15:26; 16:7).[15] Một số người cho rằng thuật ngữ đó phải được hiểu theo ý nghĩa là Thầy, bởi vì Đức Giêsu đã nói rằng "Đấng đó sẽ dạy anh em mọi điều" (14:26). Thuật ngữ đó cũng được hiểu như là Đấng An Ủi, bởi vì Đấng ấy mang lại niềm an ủi cho những kẻ lâm cảnh buồn phiền, côi cút... (14:18); Người cũng được gọi là Đấng Trung Gian, bởi vì "Thần Khí giúp đỡ chúng ta là những kẻ yếu hèn, vì chúng ta không biết phải cầu nguyện thế nào cho phải; nhưng chính Thần Khí sẽ cầu thay nguyện giúp chúng ta, bằng những tiếng rên siết khôn tả" (Rm 8: 26). Người được Cha sai đến để cư ngụ giữa thế gian, nhưng lại ở trong một tư thế đối nghịch với thế gian.

Tác vụ Thần Khí thi hành tỏ ra đa dạng và phức tạp đến độ nhiều người đã đề xuất việc giữ nguyên thuật ngữ *Parakletos*, không diễn dịch nó thành các danh hiệu khác. Qua cuộc tâm sự của Đức Giêsu trong bữa tiệc ly, Tin Mừng Gioan đã giới trình Vị Bảo Trợ như là Đấng sẽ đến – sau khi Đức Giêsu về cùng Cha – và ở với các môn đệ, theo cùng một cách thức như việc Giôsua tiếp nhiệm Môsê, hoặc Êlisa tiếp tục các hoạt động theo tinh thần của Êlia, v.v.. Ga 14:26 đã đồng nhất hóa Đấng Bảo Trợ với Thánh Thần; dù vậy, cung cách biểu trình này không hoàn toàn trùng khớp với thực tại Thánh Thần trong các

---

[15] Xin xem Raymond Brown, *The Gospel according to John*, Appendix V: "The Paraclete."

phần còn lại của Tân Ước: Người không được gắn kết với phép rửa, với cuộc tái sinh, với ơn tha thứ tội lỗi, và với sự thánh hóa... Các văn đoạn trong cuộc tâm sự tiệc ly đề cập đến Đấng Bảo Trợ đã miêu trình Người như là một Đức Giêsu khác: cả hai đều phát xuất, và được sai đến thế gian, từ Cha; cả hai đều là Đấng Bảo Trợ; Đấng Bảo Trợ là Thần Khí sự thật, và Đức Giêsu là sự thật; Đấng Bảo Trợ là Thánh Thần, và Đức Giêsu là Đấng Thánh của Thiên Chúa; v.v. Đối với các môn đệ: cả hai đều hiện diện, dạy dỗ và hướng dẫn họ. Còn đối với thế gian: cả hai đều không được thế gian nhận biết, đều bị từ rảy; cả hai đều làm chứng đối nghịch thế gian. Đức Giêsu về cùng Cha (Ga 14:12) và trở lại với các môn đệ (c.18): chính Đấng Bảo Trợ là Đấng trở lại và gánh vác sứ vụ của Đức Giêsu trên thế gian trong lúc Ngài đang ở trên trời. Bàn về sự việc, giữa hai lần đề cập đến sự thật (x. Ga 14:6.17), Đức Giêsu đã tiên báo cho biết là Đấng Bảo Trợ sẽ đến, Đức Gioan Phaolô II nhận định như sau: "Từ sự việc hai lần nhắc đến sự thật – tức là, việc Đức Giêsu ám chỉ về chính Ngài và về Thánh Thần 'sự thật' – có thể suy diễn ra rằng, nếu Ngài gọi Đấng Bảo Trợ là 'Thần Khí Sự Thật', thì điều đó có nghĩa là *sau cuộc ra đi của Đức Kitô, Chúa Thánh Thần là Đấng sẽ giữ cho các môn đệ ở trong cùng một sự thật mà Ngài đã công bố và mạc khải,* và, nói cho cùng, Ngài chính là sự thật đó. Đấng Phù Trợ, cũng như là chính Đức Kitô, là sự thật. Bởi đó, về sau, trong bức thư thứ nhất của mình (5:6), thánh Gioan sẽ viết như sau: 'Chính Thần Khí là chứng nhân, và Thần Khí là sự thật'."[16]

---

[16] Catechesis 17-V-89.

Dù cảnh huống lịch sử có ra sao đi nữa, thì các môn đệ – Giáo hội – vẫn yên lòng trong vòng tay bảo trợ, dạy dỗ, chở che và ủi an của Thánh Thần. Các lời hứa của Thiên Chúa trong Cựu Ước, cũng như các lời Đức Giêsu hứa trong Tân Ước đều đã được làm cho hoàn tất trong Thánh Thần, như phụng vụ hằng hát mừng qua bài phụng ca *Veni Creator Spiritus* (tk. 9):

Qui diceris Paraclitus,	Ôi, Đấng Bảo Trợ, chúng con kêu lên đến Ngài,
altissimi donum Dei,	Ôi, ân huệ thiên cung Thiên Chúa Chí Tôn trao xuống,
fons vivus, ignis, caritas, et spiritalis unctio.	Ôi, nguồn sống, ánh lửa tình yêu và dầu xức hoan lạc từ trên cao.

Các biểu tượng

Trong nhiều lần và bằng nhiều cách (x. Dt 1:1), Thiên Chúa đã mạc khải cho con người qua hai đường lối: sứ ngôn và hành động, như đọc thấy trong Hiến chế *Mạc Khải Thánh* của công đồng Vaticanô II; các hành động có thể mặc lấy thể dạng sự kiện, cảnh huống, biểu tượng, v.v. Vì Thánh Thần vô hình, vô dạng như gió, nên không một ngôn từ nào đủ sức miêu trình, không một danh hiệu nào khả dĩ biểu đạt thích đáng về Người; bởi đó, Kinh Thánh đã phải – căn cứ vào các hoạt động đa dạng của Thánh Thần – dùng đến nhiều cách biểu đạt khác nhau với việc đúc kết lại một bộ phận hạng các biểu tượng để phác tả khuôn mặt của Đấng vô hình. Các biểu tượng thường thấy mang tính cách đa nghĩa và khả dĩ dung nhận

các cách hiểu khác biệt nhau. Chúng chỉ gợi ý, chứ không biểu trình minh bạch; chúng biểu thị một ý nghĩa nào đó, nhưng không loại trừ một ý nghĩa khác.[17]

Trong Kinh Thánh và truyền thống của Giáo hội, Chúa Thánh Thần được biểu tượng hóa thành nhiều dạng cách khác nhau; phần viết dưới đây sẽ khảo sát một số biểu tượng được coi là thích hợp nhất.[18]

Nước

Trong thông điệp về Chúa Thánh Thần, tựa đề *Dominum et vivificantem* (*Chúa và là Đấng Ban Sự Sống,* 1986), Đức Gioan Phaolô II đã viết như sau: "Chúa Thánh Thần được ban cho chúng ta cùng với sự sống mới, như lời Đức Giêsu tiên báo và hứa trong ngày cuối long trọng của lễ Lều năm ấy: 'Ai khát, hãy đến với tôi, ai tin vào tôi, hãy đến mà uống. Như Kinh Thánh đã nói: từ lòng Người, sẽ tuôn chảy những dòng nước hằng sống' (Ga 7:37tt.). Và Phúc Âm gia giải thích điều này như sau: 'Đức Giêsu muốn nói về Thần Khí mà những kẻ tin vào Người sẽ lãnh nhận' (7:39). Dòng nước đó (biểu thị ý nghĩa về cả mạc khải tối hậu lẫn về Thần Khí) đã tuôn trào từ trái tim của Người, trái tim bị lưỡi đòng đâm thủng trên đồi Canvê (x. 19:34). Đó chính là thứ nước mà Đức

---

[17] Về điểm này xin xem Paul Avis, *God and the creative imagination: Metaphor, Symbol and Myth in Religion and Theology*, Routledge, 1999.

[18] Khoa ảnh tượng kitô giáo thường phác họa Thánh Thần trong biểu tượng ba con người, dựa theo thị kiến của Abraham ở Mamrê (x. St 18:2). Lối trình họa về Thánh Thần theo dạng thể con người đã bị Đức Bênêđictô XIV (1745) cấm chỉ; và luật cấm này đã được Thánh bộ Giáo lý Đức tin nhắc lại vào năm 1928. Chúa Thánh Thần phải được miêu trình theo dạng biểu tượng, chẳng hạn như là hình ảnh chim bồ câu, hoặc ngọn lửa.

Giêsu đã từng nhắc đến trong cuộc trò chuyện với người phụ nữ Samari, khi Ngài nói về 'một mạch nước vọt lên, đem lại sự sống đời đời' (4:14), hoặc trước đó trong cuộc trao đổi với Nicôđêmô về việc nhất thiết phải được tái sinh 'bởi nước và Thần Khí' để được 'vào nước Thiên Chúa' (3:5)." Trong Kinh Thánh, nước tượng trưng cho sự sống;[19] do đó, Thánh Thần được biểu tượng hóa thành dòng nước ban sự sống mới. Như lời Đức Giêsu đã nói với Nicôđêmô, sự sống ấy tiên vàn được ban cho qua phép rửa. Khi làm phép nước rửa tội, phụng vụ dâng lên lời cầu như sau: "Chúng con cầu xin Ngài, lạy Cha, nhờ Con của Ngài, xin hãy gửi Thánh Thần để Người ngự xuống trên giếng nước rửa tội này."[20] Vì Thánh Thần là Đấng sinh ra người kitô, tất Người sẽ đồng hành cùng họ trên suốt con đường tăng triển thiêng liêng; Người sẽ 'bón nước' không ngừng để từng cây một có thể dồi dào sức sống mà trổ hoa kết trái, như Êđêkien đã tiên kiến (x. Ed 47). Chính Thần Khí ban sự sống ấy gắn kết mọi chi thể lại với nhau trong Nhiệm Thể Đức Kitô, dù các chi thể ấy có khác biệt nhau về chủng tộc, văn hóa, địa vị xã hội, tình trạng thiên bẩm, v.v.: "thật vậy, tất cả chúng ta, dầu là Do thái hay Hy lạp, nô lệ hay tự do, chúng ta đều đã chịu phép rửa trong cùng một Thần Khí để trở nên một thân thể. Tất cả chúng ta đã được đầy tràn một Thần Khí duy nhất" (1Cr 12:13). Nhờ nguồn nước tuôn trào, sa mạc cằn cỗi bỗng hóa thành đất phì nhiêu (x. Is 41:18) thể nào, thì nhờ Thần Khí ban sự sống, linh

---

[19] Xin xem J. Daniélou, "Le symbolisme de l'eau vive," *Rech. Sciences Rel.* 32(1958) tt. 335-346; Benedict XVI, *Jesus of Nazareth,* New York: Doubleday, 2007, pp. 238-248.

[20] Lời nguyện ban phép lành trên nước rửa tội trong nghi thức Canh thức Vượt qua.

hồn dẫy đầy tội nhơ của con người cũng trở nên chốn lạc viên thiên đường thể ấy; do đó, mới thấy sứ ngôn chép rằng: "Ta sắp đổ mưa xuống những vùng hạn hán và cho suối chảy trên mảnh đất khô cằn; trên dòng dõi ngươi, Ta sẽ đổ thần khí; trên con cháu ngươi, Ta ban muôn phước lành" (44:3). Và dấu chỉ của năng động lực thiêng liêng đó được ví von như sau: "Như nai rừng mong mỏi tìm về suối nước trong, hồn con cũng trông mong được gần Ngài, lạy Chúa. Linh hồn con khao khát Chúa Trời, là Chúa Trời hằng sống. Bao giờ con được đến, vào bệ kiến Tôn Nhan?" (Tv 42:2-3). Trong những giai đoạn mà nhiệt tâm thiêng liêng, hoặc sáng kiến tông đồ của Giáo hội dường như đang trở nên cạn kiệt, thì "dòng nước" ấy lại thấy làm trỗi sinh những con người thánh thiện, hay các phong trào canh tân; và lịch sử đã chứng thực điều đó: chẳng hạn, các phong trào canh tân thánh kinh hay phụng vụ, các phong trào đại kết, đối thoại liên tôn, v.v. Chúng ta đang sống trong "thời đại của Thần Khí," và, bởi đó, đang tắm mình "trong con sông có nước trường sinh, sáng chói như pha lê, chảy ra từ ngai của Thiên Chúa và của Con Chiên..." (Kh 22:1). Thần Khí trở thành nguồn tín thác cho mọi kitô hữu trong hiện tại, và là niềm trông cậy hướng về một ngày mai huy hoàng.

Xức dầu

Tựa như nước và Thần Khí cấu thành bí tích rửa tội thế nào, thì việc xức dầu và Thần Khí cũng cấu thành bí tích Thêm sức như vậy. Mẫu điển hình của việc xức dầu này là chính Đức Giêsu, Đấng đã trở thành "Mêsia", "Kitô" – tức là, Đấng được xức dầu – nhờ Thánh Thần (x. Lc 4: 18). Sự xức dầu của Đức Kitô, giờ đây, được chia sẻ với hết thảy mọi thành

viên trong Nhiệm Thể của Ngài.[21] Hành động xức dầu mang một số ý nghĩa: trước tiên, đây là hành động thánh hiến cho sứ vụ Thiên Chúa trao phó; có thể đọc thấy ý nghĩa này trong Cựu Ước, chẳng hạn trong trường hợp của Đavít, hoặc của các ngôn sứ; đó là xức dầu để trao sứ vụ ngôn sứ, như Is 61:1-2 đã ghi: "Thần Khí của Đức Chúa là Chúa Thượng ngự trên tôi, vì Đức Chúa đã xức dầu tấn phong tôi, sai đi báo tin mừng cho kẻ nghèo hèn ..."; chính đó là ý nghĩa của việc "rao truyền tin mừng." Tiếp đến, việc xức dầu còn được coi như là bước chuẩn bị để sẵn sàng bước vào trận đấu, hệt như các tay đấu bôi dầu lên người trước khi lên vũ đài; ý nghĩa này được ám chỉ đến trong Cv 1:8: "anh em sẽ nhận được sức mạnh của Thánh Thần khi Người ngự xuống trên anh em; bấy giờ, anh em sẽ là chứng nhân của Thầy..." (x. 10:38; Tv 92:11). Sau nữa, việc xức dầu còn mang ý nghĩa chữa lành, tựa như lúc thân thể Đức Kitô làm như phát ra một năng lực chữa lành (x. Lc 6:19; 8:46). Có thể đọc thấy trong thư thứ nhất của thánh Gioan, sự việc các tín hữu lãnh nhận được dầu, do tự Đấng Thánh,[22] và thứ dầu đó vẫn lưu tồn mãi trong họ; kết quả là, họ có được ơn hiểu biết, bởi vì "dầu của Người dạy dỗ anh em mọi sự, mà dầu ấy dạy sự thật, chứ không phải sự dối trá" (2:20.27). Đức Gioan Phaolô II đã giải thích điều đó như sau: "Như thế,

---

[21] Lời nguyện trong nghi thức làm phép dầu, vào ngày thứ Năm Tuần thánh, có đoạn như sau: "Lạy Cha, nhờ quyền năng của Thánh Thần, Cha đã xức dầu cho Con một Cha để Người trở nên Đấng Thiên sai và Chúa của công trình sáng tạo; Cha đã cho chúng con được thông phần vào tác vụ hiến thánh của Người trong Giáo hội. Xin Cha giúp chúng con biết trung thành làm chứng hầu thế gian có thể nhận biết ơn cứu độ mà Đức Kitô đã thực hiện cho toàn thể nhân loại."

[22] "Đấng Thánh" có thể mang ý nghĩa chỉ về Đức Kitô, hoặc về Thánh Thần, nhưng hiệu quả của việc xức dầu thì vẫn giống như nhau.

Thần Khí chính là nguồn ban ơn thâm hiểu và minh luận, là sức năng thiết yếu giúp làm chứng cho chân lý thần thiêng. Thần Khí cũng chính là nguồn xuất phát của *cảm thức đức tin* (*sensus fidei*), một thứ bản năng siêu nhiên mà công đồng Vatican II đã coi như là di sản của Dân Thiên Chúa" (LG 12).[23] Trong suốt đời mình, người kitô được xức dầu nhiều lần: trong phép Rửa tội, trong phép Thêm sức, trong phép Truyền chức thánh đối với các linh mục, trong phép Xức dầu bệnh nhân; điều này nêu bật sự việc Thần Khí, Đấng Bảo Trợ, luôn đồng hành với người kitô từ thuở họ còn nằm nôi cho đến lúc họ nghỉ yên trong mộ phần vĩnh viễn. Tiến trình đồng hành thiêng liêng đó giúp đem lại niềm hoan hỷ trải dài suốt cuộc đời dương thế của người kitô; đó là ý nghĩa của "dầu thơm hoan lạc" mà Tv 45:8 muốn ám chỉ.

Lửa

Sở dĩ dùng biểu tượng này để chỉ về Thần Khí là vì, dịp Lễ Ngũ Tuần, Người đã "xuất hiện giống như lưỡi lửa tản ra rồi đậu xuống từng người một; và ai nấy đều được tràn đầy ơn Thánh Thần..." (Cv 2:3-4). Trong Kinh Thánh, lửa tượng trưng cho sự hiện diện của Thiên Chúa (Xh 3:1tt), sức mạnh của Thiên Chúa (1V 18:38-39), sức năng che chở và hướng dẫn của Thiên Chúa (Xh 13:21), cũng như việc phán xét của Thiên Chúa (x. Dt 12:29; Lc 3:16-17). Các giáo phụ đã coi biểu tượng này như là một hình ảnh tượng trưng cho Chúa Thánh Thần.[24] Lửa là một dấu hiệu từng thấy đi kèm với cuộc thần hiển trên núi Sinai (x.

---

[23] Buổi tiếp kiến ngày 22 tháng 10 năm 1990.

[24] Nhưng biểu tượng này cũng ám chỉ về Ngôi Lời Hằng Hữu, như thánh Éphrem đã hiểu khi ngài biểu trình biến cố Nhập Thể như sau: "Một điều lạ lùng và gây hoang mang đối với tai nghe: lửa đã đi vào lòng; mặc lấy một hình hài và tiến ra!": xem *Hymns*, 14.22.

Xh 19:8) và trong cuộc mở màn giao ước với Môsê; bởi đó, qua biến cố Hiện Xuống, Giao Ước mới và Dân mới của Thiên Chúa được giới thiệu ra mắt thế gian. Với một tầm nhìn khác, Gioan Tẩy giả đã công bố rằng Đấng Mêsia sẽ làm phép rửa cho dân "trong Thánh Thần và lửa" (Mt 3:11). Lửa tượng trưng cho năng lực thanh tẩy mọi thứ ô uế và gian tà; chính Gioan Tẩy giả đã xuất hiện "đầy thần khí và uy quyền của Êlia" (Lc 1:17) – là vị ngôn sứ đã "xuất hiện chẳng khác nào ngọn lửa" với "lời nói ra tựa đuốc cháy bừng bừng" (x. Hc 48:1) – vốn được coi là vị ngôn sứ lửa. Thánh Gioan Tẩy giả "là ngọn đèn cháy sáng" (x. Ga 5:35) nhưng đã sớm bị dập tắt; còn Đức Giêsu là ánh sáng thật và đã đến để "ném lửa vào mặt đất" (x. Lc 12:49); sách *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* đã dùng văn đoạn vừa trưng để ám chỉ về Chúa Thánh Thần (x. số 696).[25] Với ý nghĩa đó, Thần Khí là năng lực thần thiêng làm biến đổi tận căn bộ mặt của Giáo hội và của mỗi người kitô, ban cho ơn tha thứ và giúp canh tân, thanh tẩy mọi điều uế nhơ do tội đã gây ra trong quá khứ. Lửa ấy sẽ đặc biệt phát huy công năng của nó qua lời nói (lưỡi lửa); do vậy, đặc sủng ngôn sứ là một ân huệ do chính Thánh Thần ban cho.

Lửa cũng là biểu tượng của tình yêu. Thánh Gioan Thánh Giá đã viết một bài thơ nổi tiếng, tựa đề *Ngọn lửa Tình bỏng rực*, với ý nghĩa như sau: là Tình Yêu giữa Cha với Con trong lòng Ba Ngôi, Thần Khí đã được sai đến để làm dây tình kết hiệp trong Giáo hội, giữa từng linh hồn với Thiên Chúa. Vì lửa nhen lên

---

[25] Đức Giêsu coi cái chết của mình như là một ngọn lửa phán xét, như lời các ngôn sứ đã tiên báo (x. Dcr 13:9; Ml 3:2-3) và thánh Gioan Tẩy Giả đã nhắc lại (x. Lc 3:16-17). Văn đoạn này biểu lộ tính chất mập mờ, dù vậy, được áp dụng cho biến cố Hiện Xuống.

sức ấm nồng, nên tình yêu nồng nàn phát xuất nơi Thần Khí cũng biểu thị các thái độ quy về Thiên Chúa và hướng đến tha nhân.[26] "Lạy Chúa Thánh Thần, xin hãy đến, nhóm trong con ngọn lửa tình Ngài."

Hildegard thành Bingen đã viết một bài thánh ca, với trích đoạn như sau: "*O ignis Spiritus Paracliti, vita vite omnis creature, sanctus es vivificando formas.*"

Tạm dịch là: "Ánh lửa Thần Khí Phù Trì, là nguồn sự sống mọi loài thọ sinh; khen Ngài Đấng thánh uy linh, Đấng Ban Sự Sống sinh linh muôn loài."

Áng mây và ánh sáng

Áng mây và ánh sáng là hai biểu tượng đi đôi với nhau, tượng trưng cho Thánh Thần; các biểu tượng này tỏ lộ việc Thiên Chúa hiện diện, cả trong đêm u huyền lẫn trong ngày sáng chói, để hướng dẫn dân Ítraen trong bước lưu ly băng dòng sa mạc; các biểu tượng ấy cũng xuất hiện trên Đức Maria trong biến cố truyền tin, trên núi Tabo với lời Cha phán xuống, hay trong cuộc Thăng Thiên của Đức Kitô sau ngày sống lại. Biểu tượng đó cũng giúp nhận biết rằng Thần Khí vừa là Đấng hiện diện chở che, là ánh sáng, là giọng nói ủi an, thêm sức, vừa là tiếng sấm gầm vang, ánh chớp chói lòa, hay ngọn lửa hừng hừng thiêu đốt... Tựa như áng mây được coi là ân huệ cao vời ban xuống cho dân Ítraen (x. Xh 12:17-22; 14:19-20), thì cũng thế, Thánh Thần chính là một ân huệ được trao đến những người con biết đặt lòng cậy trông nơi Thiên Chúa; xưa kia, áng mây đã hiện diện

---

[26] Donald J. Goergen, *Fire of Love: Encountering the Holy Spirit*, Paulist Press, 2006.

cùng dân Ítraen trong hoang địa thể nào, thì nay – như lời Đức Giêsu đã hứa – Cha cũng sẽ gửi Thần Khí xuống, để Người mãi mãi "cư ngụ" trong lòng các kẻ tin như vậy (x. Ga 14: 16).

Áng mây đóng giữ một vai trò đặc biệt trong các cuộc thần hiển (biến cố Thiên Chúa tỏ lộ uy nhan) Cựu Ước trình thuật:[27] trên núi Sinai, lúc Môsê tiếp nhận Lề Luật (x. Xh 19-20), trong lều hội ngộ (x. 33:9-10), tại buổi cung hiến Đền Thờ Đức Chúa trong cung điện vua Salomon (x. 1V 8:10-12); người Do thái gọi áng mây là *Shekinah* (tức, thần cư); kinh nghiệm về *shekinah* có thể coi là một kinh nghiệm đáng khiếp sợ đối với con người, song lại đem đến ơn cứu độ, như đọc thấy trong Tv 18:8-20. Áng mây vừa vén lộ (ánh sáng) mà cũng vừa che giấu (bóng tối), biểu thị sự hiện diện của Thiên Chúa; và bởi việc Thiên Chúa hiện diện mang tính chất huyền nhiệm, nên chỉ có thể dùng đến các biểu tượng thì mới đủ sức trình tả mà thôi. Trong cuộc đời của Đức Kitô, bóng phủ của áng mây xuất hiện trong biến cố Nhập thể (x. Lc 1:35), lúc Ngài mạc khải vinh quang trong cuộc biến hình (9:34-35), khi Ngài lên trời với Cha và lúc Ngài sẽ trở lại trong vinh quang (21:27). Quả thực, Giáo hội đã nhìn thấy nơi áng mây che phủ trong sa mạc ngày ấy, hành động cứu độ của Đức Kitô: "Ta đã dẫn đường cho các ngươi qua cột mây vây phủ, song các ngươi lại dẫn ta đến tòa Philatô": trong bài ta thán ca (*Improperia*) của Thứ sáu Tuần Thánh, phụng vụ hát lên như thế. Tất cả những kinh nghiệm trong quá khứ ấy đều có quan liên với chúng

---

[27] Xin xem Jesús Luzárraga, *Las tradiciones de la nube en la Biblia y en el judaísmo primitivo,* Roma: Pontificio Istituto Biblico, 1973; L. Sabourin, "The Biblical Cloud Terminology and Traditions," *Bibl. Theol. Bull.* 4(1974) tt. 290-311.

ta bây giờ; chúng đã trở thành các hình ảnh "tiên trưng" cho sự hiện diện và hoạt động của Thiên Chúa nơi Dân mới của Người. Trong cuốn sách nổi tiếng của ngài về Chúa Thánh Thần, thánh Baxiliô đã bình luận về văn đoạn 1Cr 10:2 như sau: "Dân ấy [Ítraen] đã từ biển mà đi lên cách bình an vô sự; cũng vậy, chúng ta nhờ nước mà được tái sinh như từ giữa kẻ chết, được cứu sống nhờ ân sủng của Đấng đã kêu mời chúng ta. Và áng mây là hình bóng về ân huệ của Thần Khí, Đấng làm nguội bớt ngọn lửa dục tình của chúng ta qua việc hãm mình của các chi thể chúng ta."[28]

Dấu ấn

Sách *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* viết rằng: "*dấu ấn* là biểu tượng gắn liền với biểu tượng xức dầu. Quả vậy, chính 'Thiên Chúa đã đóng ấn xác nhận' trên Đức Kitô và trên cả chúng ta nữa, nhờ Con của Người (x. Ga 6:27). Bởi vì ấn tín đó tỏ cho thấy một hiệu quả không bao giờ phai nhạt của phép xức dầu ban Thánh Thần trong các bí tích Rửa tội, Thêm sức, và Truyền chức Thánh, nên biểu tượng dấu ấn (*sphragis*) đã được một số truyền thống thần học dùng đến để biểu đạt về 'ấn tích' không thể xóa nhòa, vốn đã được in hằn do bởi ba bí tích không thể ban lại đó" (số 689). Bình luận về sách Diễm Ca, Thêôđôrêtô thành Cyrhus (Syria, tk. 5) đã viết như sau: "Những ai đã được tẩy rửa... sẽ lãnh được, như là một ấn tín vương giả, phép xức dầu thần linh; và dưới dấu chỉ [hữu hình] của dầu này, họ nhận được ân sủng vô hình của Chúa Thánh Thần." Dấu ấn biểu

[28] Xin xem Michael A. G. Haykin, "'In the Cloud and in the Sea': Basil of Caesarea and the Exegesis of 1Cor 10:2", *Vigiliae Christianae*, 40, số 2 (1986) 135-144.

thị việc một người kitô thuộc về Đức Kitô; bên cạnh đó, nó cũng nêu bật cho thấy tính chất chắc chắn của các lời hứa: "Đấng củng cố chúng tôi cùng với anh em trong Đức Kitô và đã xức dầu cho chúng ta, Đấng ấy là Thiên Chúa. Chính Người cũng đã đóng ấn tín trên chúng ta và đổ Thần Khí vào lòng chúng ta làm bảo chứng" (2Cr 1:21-22). Một ý nghĩa tương tự cũng thấy lặp lại trong Ep 1:13-14: "Một khi đã tin, anh em được đóng ấn Thánh Thần, Đấng Thiên Chúa đã hứa. Thánh Thần là bảo chứng phần gia nghiệp của chúng ta, chờ ngày dân riêng của Thiên Chúa được cứu chuộc, để ngợi khen vinh quang Thiên Chúa." Bởi đó, Thần Khí chính là Đấng mang lại, cũng như đảm bảo, căn tính của người kitô. Thánh Thần đã được gửi đến cộng đoàn các tông đồ – và do đó, đến Giáo hội thuộc mọi thời kỳ – như là một ấn tín của Giao Ước mới mà các ngôn sứ đã loan báo (x. Gr 31:31-34; Ed 36:24-27). Chúa Thánh Thần là nền tảng hiện hữu cho niềm cậy trông của người kitô.

Bàn tay

Thánh Irênêô đã từng đề cập đến hai bàn tay của Thiên Chúa, tức là Con và Thánh Thần. Thần Khí là "Thiên-Chúa-tiếp-xúc" với con người.[29] Biểu tượng này ám chỉ hữu hiệu tính và trực tiếp tính của việc Thiên Chúa hoạt động trong con người thông qua Thánh Thần. Cử chỉ tiếp xúc đã từng là cách thế đặc thù trong việc chữa lành và chúc lành của Đức Giêsu; đó cũng là một cử chỉ biểu hiện tình yêu. Các thánh Tông đồ đã coi việc đặt tay như một dấu hiệu nói lên việc truyền ban Thánh Thần, và ngày nay, trong phụng vụ, phần kinh cầu Thánh Linh (*epiclesis*) trong

[29] Xin xem Kilian McDonnell, *The Other Hand of God: The Holy Spirit As the Universal Touch and Goal*, Michael Glazier Books, 2003.

các nghi thức phụng vụ bí tích luôn thấy đi đôi với việc đặt tay tượng trưng đó.

Sách *Giáo lý* diễn tả điều đó như sau: "Đức Giêsu chữa lành bệnh nhân và chúc lành các trẻ nhỏ qua cử chỉ đặt tay trên họ. Nhân danh Người, các tông đồ cũng làm như vậy. Hơn nữa, nhờ việc đặt tay của các tông đồ, Thánh Thần được thông ban. Thư Do thái coi nghi thức đặt tay như là một yếu tố trong 'các thành phần căn bản' của công tác giáo huấn. Giáo hội đã lưu tồn cử chỉ biểu thị việc ban tràn đầy năng quyền của Thánh Thần này trong các kinh nguyện Thánh Thần lúc cử hành phụng vụ các bí tích" (số 699).

Ngón tay

Biểu tượng này luôn thấy đi đôi với biểu tượng bàn tay. Hát bài phụng ca *Veni Creator Spiritus*, Giáo hội gọi Thần Khí là "*ngón tay phải của Chúa Cha.*" Hình ảnh mang tính cách ẩn dụ đó diễn tả các cách thức bàn tay Toàn Năng của Thiên Chúa tiếp xúc với thế giới: trong cuộc Tạo dựng, như Tv 8:4 đã trình tả về việc "ngón tay Thiên Chúa..." làm ra các tầng trời; trong cuộc mạc khải cho Môsê với sự kiện lề luật Thiên Chúa được viết trên bia đá "do ngón tay Thiên Chúa" (x. Đnl 9:10); trong công trình cứu chuộc, với việc Đức Giêsu trừ quỷ "bằng ngón tay Thiên Chúa" (Lc 11: 20); và đặc biệt, trong ơn thánh hóa, với việc thánh Phaolô ví người kitô như là "bức thư của Đức Kitô,... không phải viết bằng mực đen, nhưng bằng Thần Khí của Thiên Chúa hằng sống; không phải ghi trên những tấm bia bằng đá, nhưng trên những tấm bia bằng thịt, tức là lòng người" (2Cr 3:3). Bởi đó, thánh Isiđôrô thành Sêvilla đã viết như sau: "Lề Luật Thần Khí Thiên Chúa viết đã được ban

ra năm mươi ngày sau cuộc sát tế con chiên; và năm mươi ngày sau cuộc tử nạn của Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, Thánh Thần đã được ban xuống. Người được gọi là ngón tay của Thiên Chúa nhằm biểu thị năng quyền hoạt động mà Người có cùng với Cha và Con."[30] Trước đó, thánh Âugutinô – qua việc bình luận văn đoạn Dt 10:16-17 – đã cho thấy một cảm thức sâu xa hơn trong quan niệm ngài có về biểu tượng ấy: "Lề luật mà Thiên Chúa đã khắc vào lòng trí con người là gì nếu không phải là sự hiện diện của Thánh Thần, Đấng là ngón tay của Thiên Chúa, và là Đấng, qua thực trạng hiện diện đó, đổ đầy vào tâm hồn chúng ta thứ tình yêu biểu thị cho tính chất trọn vẹn của lề luật, cũng như cho mục đích nhắm tới của các huấn chỉ...? Lúc Thiên Chúa phán rằng 'Ta sẽ đặt các lề luật của Ta' v.v., Người muốn bảo con người đừng tỏ thái độ sợ sệt đối với bất cứ một luật lệ nào của thế gian, vốn dĩ là do bên ngoài áp đặt vào, nhưng hãy tỏ lòng mến yêu tính chất công chính từ bên trong của lề luật vốn đang cư ngụ trong tâm hồn họ."

Chim bồ câu

Đây là biểu tượng phổ biến dành để chỉ về Thần Khí. Lúc Đức Giêsu lãnh nhận phép rửa trong sông Giođan, Thánh Thần đã ngự xuống trên Ngài qua hình chim bồ câu (x. Mc 3:16), và từ đó trở về sau, khoa ảnh tượng kitô đã dùng biểu tượng chim câu để tượng trưng cho Thần Khí; biểu tượng này đóng giữ một vai trò quan trọng trong nghi thức rửa tội. Tại sao Thần Khí lại xuất hiện trong hình chim câu? – Vì không ai biết được lý do, nên chỉ có thể dò dẫm mà tra tìm vết dấu nơi các nguồn liệu Kinh Thánh, hoặc

---

[30] *Etymologies*, Book VII.3.

nơi các áng thơ hư cấu, mà thôi. Trong Kinh Thánh, có thể thấy chim câu được Nôê thả ra khỏi tàu và đã mang về một nhành ôliu (x. St 8:8-12); sau đó, mỗi khi Kinh Thánh nhắc đến chim câu thì đều là trong bối cảnh hy lễ hiến tế. Óc tưởng tượng đã nhìn thấy nơi hình ảnh chim câu nét dịu dàng, song lại không kém phần mạnh mẽ, của các tác vụ Thánh Thần. Chim câu là một con vật hiền lành, không hề biết nổi xung thiên với bất kỳ ai; trong truyền thống, người ta tưởng nó không có mặt. Và do đó, ngày nay, nó được dùng làm biểu tượng cho tính thuần khiết và tinh thần hòa bình. Nhìn về biến cố phép rửa nơi sông Giođan, thánh Gioan đã kết nối biểu tượng chim Bồ Câu với hình ảnh Con Chiên (x. Ga 1:29-34); với một số đặc điểm chung nhau, cả hai biểu tượng đó cùng chỉ về: tính hiền lành, tính thuần khiết và hiến lễ hy sinh. Vai trò của chim câu – tức là, sứ vụ của Thần Khí hướng đến con người – cũng cốt ở việc làm cho nhận ra Con Chiên, giúp khám phá ra hình ảnh Đức Kitô. Thần Khí là Thiên Chúa vô hình tuyệt đỉnh; Đức Kitô là Thiên Chúa-trở-nên-hữu-hình. Thần Khí, Đấng bay là là trên mặt đất, sưởi ấm cõi đất bằng sức dịu dàng lan tỏa; trong khi đó, Ngôi Lời soi sáng, minh định, cùng biểu lộ cho thấy kế hoạch của Thiên Chúa trong một dạng thức cụ thể, hữu hình. Chẳng hạn, có thể thấy rằng, Thần Khí cầu nguyện trong chúng ta "bằng những tiếng rên siết khôn tả" (Rm 8:26), và Đức Giêsu dạy chúng ta cầu nguyện bằng "kinh Lạy Cha." Tương tự, trong phép rửa, qua hành vi tẩy rửa hữu hình, Thần Khí ban ơn công chính hóa cách vô hình; về điều này, Tértulianô đã viết như sau: "Thánh Thần lấy hình chim câu mà ngự trên người lãnh nhận phép tẩy rửa các tội xưa kia và mang đến bình an tự trời cao của Thiên Chúa;

*

Thuật ngữ "ngôi vị"

Thuật ngữ "ngôi vị" phát xuất từ từ *persona* trong tiếng La tinh; thoạt đầu có nghĩa là chiếc mặt nạ, là "nhân vật," hoặc vai diễn trong các vở kịch. Trường phái khắc kỷ về sau đã dùng từ này để chỉ về các cá nhân con người với vai trò mà họ đóng giữ giữa lòng xã hội. Tiếp đó, các luật gia của Rôma đã coi ngôi vị như là "chủ thể các quyền," đối lập với "các thứ đồ vật" (hoặc là phường nô lệ). Còn Kito giáo thì quy gán thuật ngữ "*persona*" cho tất cả mọi hữu thể loài người; Bôêthiô (†325) đã định nghĩa ngôi vị là: "cá thể của bản tính có lý trí";[31] cách định nghĩa này đã được thánh Tôma Aquinô dùng đến. Trong triết học hiện đại, quan niệm về ngôi vị có nhiều biến thể khác nhau; chẳng hạn, đối với Immanuel Kant (1724-1840), một ngôi vị là một cá thể mang trong mình lề luật luân lý, tự do, cùng với phẩm giá và tính cách vô giá (những đồ vật có giá trị), và được coi như là cứu cánh, chứ không phải như là phương tiện. Hồi thế kỷ 19, vì nhấn mạnh quá mức vào khía cạnh tâm lý học của "ngôi vị," người ta đã lẫn lộn nó với khái niệm "nhân cách". Trong thế kỷ 20, các trường phái "nhân vị" đã khai triển thêm nhiều quan điểm khác nhau với chủ trương luôn coi con người như là một thực thể thuộc phạm vi hữu thể luận, mang trong mình các giá trị, mở ra với tha nhân và thế giới. Chống lại chủ trương hòa trộn cá nhân vào trong Nhà Nước (Hegel), S. Kierkegaard đã tỏ rõ lập trường của mình qua việc lên tiếng bảo vệ phẩm giá của mỗi một con người. Hiện tượng luận và thuyết hiện sinh (M. Scheler, M. Buber, G. Marcel, v.v.) đã làm sáng tỏ chiều kích bất

[31] *De duabus naturis*, 3.

khả đối tượng hoá (*non-objectivable*) và bản chất đối thoại (*dialogical by nature*) của con người.

Ý niệm về ngôi vị – hiểu theo ý nghĩa chiều sâu – phát xuất từ Do thái giáo và Kito gáo, bởi từ các tôn giáo này đã nhận ra được cuộc Thiên Chúa đối thoại với con người. Trong bất cứ một quan niệm nghiêm túc nào, "ngôi vị" cũng luôn được nhìn nhận như là chủ thể "Tôi" của một con người, với khả năng tự quyết định về thái độ phải có đối với chính mình và với tha nhân. Về phương diện hữu thể học, ngôi vị được xem như là căn nguyên của hết thảy mọi hành vi nhân tính, là thực tại sâu kín nhất trong mỗi con người, mang trách nhiệm đối với các quyết định có tính cách tự do, và đáng được tôn trọng tột bực. Ngôi vị và bản tính thì hoàn toàn khác biệt nhau; ngôi vị trả lời cho câu hỏi: tôi là *ai*?, trong lúc đó, bản tính trả lời cho câu hỏi: tôi là *gì*? Đối với Kitô giáo, phẩm giá của ngôi vị phát xuất từ sự việc Thiên Chúa đã dựng nên con người giống hình ảnh Người (x. St 1:27); và do đó, như công đồng Vatican II đã khẳng định, con người là thụ tạo duy nhất Thiên Chúa đã muốn dựng nên vì chính nó (x. GS 24).

Ngôi Vị nơi Thiên Chúa

Thiên Chúa là một "ngôi vị"? Trong Kinh Thánh, thuật ngữ "ngôi vị" không hề thấy xuất hiện. Trong Kitô giáo, Téctulianô đã chọn thuật ngữ *persona* để nói về Tam Vị trong Thiên Chúa,[32] và truyền thống Latinh cũng đã theo đó mà dùng cho đến ngày nay. Nhìn chung, các giáo phụ Hy lạp đã tránh dùng đến thuật ngữ *prosopon* (mặt nạ) do bởi sự việc phái Sabellius trước đó đã hiểu nó theo một ý nghĩa sai

[32] *Adversus Praxeam*, 6.1; 7.8.

lạc; các ngài nghiêng nhiều hơn về phía dùng từ *hypostasis*, một thuật ngữ đã được phiên dịch sang tiếng Latinh với ý nghĩa như là "bản vị" hoặc "bản thể tự hữu". Do đó, hành động Ngôi Hai mặc lấy nhân tính được gọi là mầu nhiệm "ngôi hiệp". Công đồng Công xtăng tinốp thứ nhất đã chuẩn nhận việc coi như là đồng nghĩa với nhau ba thuật ngữ: *hypostasis, prosopon* và *persona*.[33]

Rất sớm, thần học đã thấy là không thể dùng ý niệm ngôi vị để trực tiếp chỉ về Thiên Chúa, bởi kỳ thực, thuật ngữ "ngôi vị" là để chỉ từng ngôi một trong Ba Ngôi; dù vậy, trong kinh nguyện, "Thiên Chúa" được xưng tụng như là đại từ chỉ ngôi thứ hai (tức như từ "Ngài") cũng như được quy gán cho hết mọi phẩm tính – vốn dĩ là các thuộc tính của từng ngôi vị riêng biệt. Điều này có thể được ví như việc ngắm trông một vì tinh tú vậy: nếu nhìn bằng mắt thường, con người chỉ có thể thấy đó như một ngôi sao duy nhất, với một nguồn sáng đơn nhất; nhưng nếu dùng đến một chiếc kính viễn vọng có phân độ cao, con người sẽ nhận ra là có rất nhiều định tinh nhỏ hơn, giống như một chùm sao tụ lại, hoặc như một dải ngân hà, vậy. Niềm tin tôn giáo cũng tương tự như thế: ánh sáng tự nhiên (lý trí), hoặc kinh nghiệm tôn giáo thông thường, dẫn đưa con người đến niềm tin vào Thiên Chúa, một Thiên Chúa duy nhất, với các nét đặc trưng riêng biệt; còn lúc đã nhận được mạc khải kitô, con người sẽ được ánh sáng quyền năng soi tỏ, giúp nhận rõ Ba Ngôi Vị trong Một Thiên Chúa.

---

[33] Về ý nghĩa của thuật ngữ *hypostasis*, xin xem François Bourassa, S.J., "Personne et conscience en théologie trinitaire," Gregorianum 55 (1974): tt. 471-493, tt. 677-720; Luis Ladaria, *La trinità, mistero di comunione*, ed. Paoline, 2004, tt. 161-178.

Vấn đề nan giải đặt ra cho thần học là: lẽ tất, Thiên Chúa là một thực thể cá biệt, hoặc là bản thể tự hữu có lý trí (ít ra là có thể dùng phép loại suy mà nói được như vậy), song dù gì, Người cũng không phải là một ngôi vị; bởi đó, thần học nhất thiết phải tìm cho được một định nghĩa tỏ ra là xác đáng hơn. Richard thánh Victor (†1155) đã đề xuất một cách định nghĩa như sau về ngôi vị: ngôi vị là "hữu thể bất khả thông truyền của bản tính có trí khôn;"[34] định nghĩa này nhất thiết phải được làm cho sáng rõ thêm thì mới dùng được. Thánh Tôma Aquinô giải thích thêm rằng "ngôi vị có nghĩa là điều hoàn hảo tuyệt đỉnh trong toàn bộ bản tính,"[35] và qua đó, ngài đã "gạn đục khơi trong" ý niệm ngôi vị, đẩy ý nghĩa của nó lên đến tột bực để có thể áp dụng được cho Thiên Chúa.

Ý niệm ngôi vị – để khả dĩ biểu trình xác đáng về thực trạng của từng ngôi trong Tam Vị Thiên Chúa – nhất thiết vẫn phải được tiếp tục tinh chỉnh thêm hơn; trước tiên, phải ra sức duy trì ý thức phân biệt giữa bản tính/bản thể với ngôi vị thì mới có thể khẳng quyết được về tình trạng ba ngôi vị trong một bản tính nơi Thiên Chúa, cũng như về tình trạng một ngôi vị trong hai bản tính nơi Đức Giêsu; và, cũng cần phải bổ sung thêm ý niệm tương quan như là một cấu tố của ngôi vị: Cha liên hệ với Con trong tình trạng *sinh ra*, và tình trạng đó cấu thành ngôi vị Cha; Con liên hệ với Cha trong tình trạng *thụ sinh*, và tình trạng đó cấu thành ngôi vị Con; Thánh Thần liên hệ với Cha và Con trong tình trạng *thụ xuy*, và tình trạng này cấu thành ngôi vị Thánh Thần. Thành ra Thánh Tôma định nghĩa các Ngôi Vị trong Thiên Chúa như "tương quan tự hữu". Quan niệm hiện đại về Ngôi Vị

---

[34] *De Trinitate*, l. IV. c. xxii.

[35] Thánh Tôma Aquinô, *Tổng Luận Thần Học*, I, q.29, a.3.

– coi ngôi vị như là trung tâm của ý thức – tỏ ra không thích hợp để áp dụng cho Thiên Chúa, bởi vì nơi Người, ý thức chỉ có một mà thôi, tức ý thức của các Ngôi Vị về mình chính là ý thức-cộng đoàn, ý thức về sự việc cả ba Ngôi Vị chỉ là một Thiên Chúa duy nhất. Tương tự như thế, nếu quan niệm ngôi vị như là chủ thể của hành vi tự quyết, biểu thị một ý chí tự lập, thì cũng không áp dụng được cho Thiên Chúa, vì nơi Thiên Chúa, cả lý trí lẫn ý chí đều chỉ là một và thuộc sở hữu chung của cả Ba Ngôi.

Chúa Thánh Thần là một Ngôi Vị

Hễ nhắc đến một ngôi vị, nghĩa là muốn ám chỉ đến một *ai đó*, chứ không phải đến một *cái gì đó*. Trong Kinh Thánh, các từ ngữ dành để chỉ "khí" (*spirit*) lại thấy mang nhiều ý nghĩa khác nhau, chẳng hạn như: gió, hơi thở, trí lực, năng lực và... Thánh Thần. Do đó, nếu dựa vào tính chất đa ngữ nghĩa ấy, thì không thể nào minh nhiên quả quyết được rằng "thần khí" là một ngôi vị; vậy, mỗi một văn đoạn Kinh Thánh – liên quan đến "thần khí" – cần phải được hiểu trong ngữ cảnh của nó.

Ngôi vị tính của Thánh Thần đã được tiệm tiến mạc khải trong Kinh Thánh. Với Cựu Ước, thuật ngữ *ruah Yahweh* – tức là Thần Khí Thiên Chúa – mang nhiều ý nghĩa; thường được dùng để ám chỉ về một năng lực thần thiêng, hoặc hành động can thiệp có tính cách quan phòng của Thiên Chúa; dù vậy, cũng có thể đọc thấy nơi một số văn đoạn khác – chẳng hạn như trong Tv 51, hoặc như trong văn đoạn ghi rõ lời khuyến cáo của Isaia về việc tránh làm phiền lòng Thánh Thần (x.Is 63:10) – ý niệm về một thực thể độc lập, hoặc một cá vị mang trong mình khả năng tự quyết.

Qua Tân Ước, ngôi vị tính của Thần Khí cũng đã lộ hiện rõ ràng đôi chút, dù không phải là hoàn toàn; vì thế các lạc giáo không nhận ra được đó. Mt 1:18 trình tả Thánh Thần như là "nguyên nhân" của cuộc nhập thể; và việc nói hoặc có thái độ phạm thượng đến Thánh Thần thường nghe nói đến, cho thấy rõ ngôi vị tính của Người cũng như của Con Người: "Ai nói phạm đến Con Người thì được tha; nhưng ai nói phạm đến Thánh Thần sẽ chẳng được tha, cả đời này lẫn đời sau" (Mt 12:32). Dần dần về sau, công thức rửa tội đã đặt Cha, Con và Thánh Thần trong tư thế hoàn toàn ngang bằng nhau (x. Mt 28:19). Tin mừng Luca cho thấy sự việc Thần Khí ngự trên Đức Trinh Nữ Maria và làm cho ngài trở thành đấng hiền mẫu (x. Lc 1:35). Thần Khí cũng hướng dẫn Đức Giêsu trong bước đường thi hành sứ vụ (x. Lc 4:1). Các kẻ thù có thể "chống lại Thánh Thần" (Cv 7:51); trái lại, Người hằng ngự xuống trên những ai biết lắng nghe lời dạy của Tin mừng (x. Cv 10:44). Thánh Thần "phán bảo" và "phái gửi" các Tông đồ ra đi (x. 13:2.4), cũng như không cho phép họ đi vào một số vùng miền nào đó (x. 16:6). Điều đáng nêu bật là sự việc các tông đồ – qua cách phát biểu: "Thánh Thần và chúng tôi..." (x. 15:28) – đã làm như thể các ngài và Thánh Thần là những cộng sự viên có quan hệ bình đẳng với nhau. Qua đó, có thể nhận thấy rõ là thánh Luca đã minh bạch nói về, chỉ về *một ai đó*.

Còn thánh Phaolô thì đã nêu rõ cho thấy là hoạt động của Thần Khí cũng giống như hoạt động mà Cha và Con thực hiện (x. 1Cr 12:3-13); các kitô hữu "được nên công chính nhờ danh Chúa Giêsu Kitô và nhờ Thần Khí của Thiên Chúa chúng ta" (6:11). Bởi đó, thánh nhân khuyến cáo: "chớ làm phiền lòng Thánh Thần của Thiên Chúa" (Ep 4:30). Các công

thức Tam Vị cũng nêu bật thái độ quả quyết về tính chất ngang bằng nhau của ba Danh Hiệu và, do đó, của ngôi vị tính nơi cả ba (x. 2Cr 13:13). Thần Khí ban phát các ân huệ (x. 1Cr 12:11), thấu suốt mọi sự (x. 1Cr 2: 10-11); Người dạy dỗ (x. 1Cr 2:13), Người phiền lòng (x. Ep 4:30), Người yêu thương (x. Rm 15:30); Thần Khí được người ta nghe lời (x. Cv 10:19-21), bị lừa dối (x. Cv 5:3, so với câu 4), bị chống đối (x. Cv 7:51), bị nhục mạ (x. Dt 10:29) và bị xúc phạm (x. Mt 12:31): hết thảy các nét trưng kia chỉ thực sự có ý nghĩa khi hiểu là chúng muốn nói Thần Khí là *một ai đó*.

Thánh Gioan đã biểu trình hết sức rõ về ngôi vị tính của Thần Khí qua việc dùng đại từ *ekeinos* (anh ta, ông ấy) – một từ giống đực – để liền sau thuật ngữ *pneuma* (thần khí), vốn dĩ là một từ trung tính (x. Ga 14:26; 15:26; 16:7.8.13. 14; xin cũng xem Ep 1:13-14); cách dùng từ như thế nêu bật cho thấy đối tượng mà ngài đang đề cập đến là một ngôi vị, chứ không phải là một sự vật. Đấng Bảo Trợ là một Kitô khác, là Đấng mang trong mình hết thảy mọi tác vụ giống như của Đức Kitô. Về điều này, Đức Gioan Phaolô II đã trình bày cô đọng, như sau: "Thánh Thần mà Đức Giêsu giới thiệu – đặc biệt là qua lời tâm sự trong bữa tiệc ly – rõ ràng là *một ngôi vị khác với Ngài*. 'Thầy sẽ xin Chúa Cha, và Người sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo Trợ khác, đến ở với anh em luôn mãi' (Ga 14:16); để diễn đạt chữ "khác," thánh Gioan đã dùng từ *állos*, chứ không phải là *éteros*, tức ngài muốn ám chỉ đến *ngôi vị tính*. 'Đấng Bảo Trợ là Thánh Thần mà Chúa Cha sẽ sai đến *nhân danh Thầy*, Đấng đó sẽ dạy anh em mọi điều và sẽ làm cho anh em nhớ lại mọi điều Thầy đã nói với anh em' (14:26). Nói về Thánh Thần, Đức Giêsu thường dùng đại từ

'Người': 'Khi Người đến, Người sẽ chứng minh rằng thế gian sai lầm về tội lỗi' (16:8); 'khi nào Thần Khí sự thật đến, Người sẽ dẫn anh em tới sự thật toàn vẹn' (16:13); 'Người sẽ tôn vinh Thầy' (16:14). Các văn đoạn vừa trưng dẫn cho thấy Chúa Thánh Thần trong tư thế là một Ngôi Vị, chứ không còn coi Người như một quyền năng phi ngôi vị phát xuất từ nơi Đức Kitô nữa (xem chẳng hạn Lc 6:19: 'một năng lực tự nơi Người phát ra'). Là một Ngôi Vị, Người mang trong mình *một tác vụ đặc thù thuộc tư cách cá vị.* Quả thế, ngỏ lời với các Tông đồ về Chúa Thánh Thần, Đức Giêsu đã phát biểu như sau: 'Đấng đó sẽ dạy anh em mọi điều...' (14: 26); 'Người sẽ làm chứng về Thầy' (15:26); 'Người sẽ loan báo cho anh em biết những điều sẽ xảy đến' (16:13)..."[36]

Cũng do đó, qua các công thức biểu trình đức tin – tức các bản tín biểu – Giáo hội hằng tuyên xưng niềm tin vào Chúa Thánh Thần cùng với Cha và Con, cũng như hằng phụng thờ và tôn vinh Người hệt như Cha và Con.

Thánh Thần là Thiên Chúa

Hình thức lạc giáo đầu tiên về Thánh Thần là lập trường một mực quả quyết rằng Người vốn dĩ là một thụ tạo, hoặc là một sự vật. Thánh Atanaxiô coi đó là một thái độ phạm thượng, vô đạo; còn thánh Baxiliô thì đã minh chứng qua cuốn *Về Thánh Thần* cho thấy rằng Người không phải là một thụ tạo, cũng chẳng hề là một sự vật; dù vậy, vì muốn tránh những hệ lụy chính trị đi kèm, thánh nhân đã không minh nhiên tuyên xưng "Người là Thiên Chúa." Téctulianô được coi là người đầu tiên trình bày khá rõ về thiên tính

---

[36] *Catechesis* 26-IV-89.

của Thần Khí; qua tác phẩm *Adversus Praxeam*, ông đã minh giải bạch đích xác về phẩm tính cao cả của Đấng Bảo Trợ; Người tuyệt đối là Thiên Chúa (ch. 13 trong P.L., 2, 193); đồng bản tính với Cha (ch. 3, 4, trong P.L., 2, 182-2); là Thiên Chúa duy nhất như Cha và Con (ch. 2, trong P.L., 2, 180). Một cách chính thức, qua Kinh Tin Kính, Giáo hội đã tuyên xưng thế này: "Người được phụng thờ và tôn vinh cùng với Cha và Con"; với lời tuyên xưng đó, Giáo hội xác tín rằng Thần Khí đứng trong một tư thế ngang bằng với hai Cha và Con. Đức Gioan Phaolô II đã nhận định như sau: "Đồng bản thể với Cha và Con theo thần tính, Chúa Thánh Thần là tình yêu, là ân sủng vô tạo, từ đó – như là từ uyên nguyên hằng sống (*fons vivus*) – phát xuất mọi hành vi trao ban ân huệ đến các thụ tạo (ân sủng thụ tạo): ơn hiện hữu cho muôn loài qua công cuộc tạo dựng; ơn sủng ái cho con người qua toàn bộ kế hoạch cứu độ."[37]

Đức tin vào Chúa Thánh Thần khơi nguồn từ mạc khải; dù vậy, biểu trình mạc khải về Thần Khí, Kinh Thánh đã dùng một thứ ngôn ngữ hết sức phức tạp; và như thế, việc xuất hiện nhiều cung cách giải thích sai lạc từ phía các lạc giáo trong mọi thời là điều không lấy gì làm lạ. Liên quan đến mạc khải về Thánh Thần, trước hết cần phải kể đến các công thức Tam Vị, chẳng hạn như công thức Thánh tẩy trong Mt 28:19: "làm phép rửa nhân danh Chúa Cha, Chúa Con, và Chúa Thánh Thần," qua đó, cả ba Ngôi Vị được tuyên xưng theo một danh hiệu duy nhất. Thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô kết thúc với lời chúc lành như sau: "Cầu chúc toàn thể anh em được đầy tràn ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, đầy tình thương của Thiên

---

[37] Thông điệp *Dominum et vivificantem*, số 10.

Chúa, và ơn hiệp thông của Thánh Thần" (2Cr 13:13); có thể đọc thấy các công thức tương tự như thế nơi một số văn đoạn khác nữa (xem chẳng hạn: 1Pr 1:2), hoặc nơi các tình huống có cả ba Ngôi cùng xuất hiện, chẳng hạn như nơi biến cố chịu phép rửa và cuộc biến hình của Đức Kitô; qua hai tình huống vừa nêu, có thể nhìn thấy cuộc hiện diện đồng thời của Cha, của chim bồ câu hoặc áng mây, và của Đức Giêsu. Một khi đã nhìn nhận thiên tính của Đức Kitô, tức là của Con (x. Ga 1:1; 20:28; Dt 1:8; v.v.), tất cũng phải nhìn nhận thần tính mà Thần Khí có cùng với Cha và Con nữa.

Quán triệt thực trạng duy nhất của thần tính Thiên Chúa – tức thực trạng độc thần – theo cung cách bất khả dung hòa, các tác giả Tân Ước đã không chấp nhận việc tùy tiện gọi bất cứ ai – ngoại trừ một mình Yahweh – là Thiên Chúa; dù vậy, lúc đã được ánh sáng mạc khải soi tỏ để nhận ra rằng Yahweh kỳ thực là Cha của Đức Giêsu Kitô, và rằng Đức Giêsu với Cha cũng chỉ là một (x. Ga 10:30), các ngài đã bắt đầu quy gán cho Đức Kitô các phẩm tính của Yahweh, như là "Tôi Hằng Hữu" – vốn là danh hiệu dành riêng cho Thiên Chúa – (x. Ga 8:28.58; 13:19; 18:6), hoặc là Anpha và Ômêga (Kh 1:8: ám chỉ đến Thiên Chúa, và 23:13: ám chỉ đến Đức Kitô). Và kết quả là: ý nghĩa của từ ngữ *Thiên Chúa* đã được nới rộng ra hơn và làm cho phong phú thêm lên, hầu cách biểu đạt có thể bao hàm được cả duy nhất tính của Đấng Tuyệt Đối lẫn toàn vẹn tính trong thực thể của Ngườ. Và rốt cuộc, thuật ngữ *Thiên Chúa* cũng đã được quy gán cho Đức Giêsu, như đọc thấy trong lời tuyên xưng của thánh Tôma tông đồ (x. Ga 20:28).[38] Theo

[38] Richard J. Bauckham, *God Crucified. Monotheism and Christology in the New Testament*, Grand Rapids: Eerdmans, 1999.

chiều hướng đó, một tiến trình quy áp tương tự cũng đã diễn ra đối với trường hợp của Thần Khí, dù đã chưa được các bản văn Tân Ước làm cho hoàn tất để xuất trình kết quả cuối cùng.

Cung cách hành động của một con người bộc lộ cho biết người ấy là ai; tương tự, các hoạt động mà Thần Khí thực hiện cũng đã vén mở cho thấy bản tính của Người. Các Giáo phụ, cũng như nhiều thần học gia tân thời, đã dựa theo cung cách biểu lộ đó để nhận ra thiên tính của Thánh Thần. Về điều này, thánh Phaolô đã đưa ra một nhận định rõ ràng khi ngài viết: "Vậy ai trong loài người biết được những gì nơi con người, nếu không phải là thần trí của con người trong con người? Cũng thế, không ai biết được những gì nơi Thiên Chúa, nếu không phải là Thần Khí của Thiên Chúa" (1Cr 2:11): con người và thần trí của mình thuộc cùng một bản tính thế nào, thì tương tự, Thiên Chúa và Thần Khí của Người cũng thuộc cùng một bản tính như thế. Tân Ước đã quy gán các hành động ban ơn tha tội và thánh hóa – vốn là hành động của riêng Thiên Chúa – cho Thần Khí: "không phải vì tự sức mình chúng ta đã làm nên những việc công chính, nhưng vì Người (Thiên Chúa) thương xót, nên Người đã cứu chúng ta nhờ phép rửa ban ơn Thánh Thần, để chúng ta được tái sinh và đổi mới" (Tt 3:5; x. Rm 8:2). Chỉ duy nhất Thiên Chúa mới có thể làm cho con người trở nên con cái Người; dù vậy, chính nhờ Thần Khí mà ơn nghĩa tử mới được hiện thực hóa: "Vì Thần Khí mà anh em đã lãnh nhận được, đâu phải là tinh thần nô lệ, khiến anh em phải sợ sệt như xưa; nhưng là Thần Khí làm cho anh em nên nghĩa tử, khiến chúng ta được kêu lên: 'Ápba! Cha ơi!'" (Rm 8:15). Đền thờ là nơi Thiên Chúa hiện diện; thế mà người kitô lại được coi như là "đền thờ

của Thánh Thần" (1Cr 6: 19), hoặc rõ ràng hơn: "Nào anh em chẳng biết rằng anh em là Đền Thờ của Thiên Chúa, và Thánh Thần Thiên Chúa ngự trong anh em sao?" (3:16); như thế, theo cách hiểu triệt để của Tân Ước về thực trạng độc thần (chỉ có một Thiên Chúa duy nhất), thì việc nhìn nhận Thần Khí là Đấng hiện diện bên trong một đền thờ cũng đồng nghĩa với việc muốn nói lên rằng cả "Thiên Chúa" và "Thần Khí" đều là một Thiên Chúa duy nhất, nhưng lại khác biệt nhau; vì thế, hễ "sống trong Thần Khí" (Rm 2:29; 8:9; 14:17, v.v.) tức là sống trong Thiên Chúa. Nếu tội phạm đến Thánh Thần không thể được tha (x. Mt 12:31-32), tức muốn nói đó là tội "trầm trọng tệ hại hơn" tội xúc phạm đến Đức Giêsu (vì Đức Giêsu cũng là một con người, có thể bị xúc phạm do hiểu lầm, nên tội nhân có lý do để được dung tha); vậy, qua đó cũng nhận ra được Thần Khí chính là Thiên Chúa, bởi chỉ có hành động xúc phạm đến Thiên Chúa mới gọi là tội. Văn đoạn Kinh Thánh được coi là đã tiến khá gần đến việc minh nhiên tuyên xưng Thánh Thần là Thiên Chúa có lẽ là Cv 5:3-4: "Anh Khanania, sao anh lại để Xatan xâm chiếm lòng anh, khiến anh lừa dối Thánh Thần?... Anh đã không lừa dối người phàm, mà lừa dối Thiên Chúa."

Dựa trên văn đoạn vừa nêu và một số văn đoạn Kinh Thánh tương tự, các Giáo phụ đã khai triển nhiều luận điểm chống lại các lạc giáo; chẳng hạn, trưng dẫn Mt 28:19, thánh Baxiliô viết rằng: "Nếu quả thực Chúa [Giêsu] đã không kết nối Thần Khí với Cha và với chính Ngài trong nghi thức Phép rửa, thì đừng để họ [lạc giáo] đổ lỗi cho chúng ta về việc nối kết đó, bởi vì chúng ta không hề chủ trương mà cũng chẳng nói thêm điều gì khác hơn. Nhưng, nếu Thần Khí được nối kết với Cha và Con trong nghi thức đó,

và nếu không có ai đó quá trơ trẽn đến độ nói thêm bất cứ điều gì khác, thì đừng để họ đổ lỗi cho chúng ta vì đã dựa theo các lời Kinh Thánh... Chúa đã trao vào tay chúng ta một giáo lý thiết yếu và có sức đem lại ơn cứu độ, dạy rằng Thánh Thần phải được đặt ngang hàng với Cha."[39] Dựa vào lời chứng thực của Kinh Thánh, bào đệ của ngài là thánh Grêgôriô thành Nixa đã kết luận như sau: "Bởi đó, Cha, Con, và Thánh Thần chỉ đơn thuần được nhận biết ở nơi thực thể Tam Vị hoàn hảo, trong hệ trạng và mối hiệp thông mật thiết nhất với nhau, vốn dĩ đã từng hiện hữu trước mọi công trình sáng tạo, trước mọi thời đại, và trước bất cứ những gì con người có thể nghĩ tới."[40]

Công đồng Côngxtăntinốp (năm 381) đã công bố một tín khoản thứ ba – bổ sung vào bản tín biểu của công đồng Nixêa – với lời tuyên xưng đức tin vào Thánh Thần như sau: "Chúng tôi tin kính Chúa Thánh Thần, Người là Chúa và là Đấng ban sự sống, Người phát xuất từ nơi Chúa Cha, Người được phụng thờ và tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Con, Người đã dùng các ngôn sứ mà phán dạy." Qua tín khoản bổ sung đó – với việc gọi Thánh Thần là "Chúa", như Yahweh là Chúa (bản Bảy Mươi dịch từ Yahweh là "Chúa") và như Đức Giêsu Kitô là Chúa (như đọc thấy trong tất cả các bản văn Tân Ước) – công đồng chính thức tuyên xưng rằng Thánh Thần cũng chính là Chúa, ngang bằng với Thiên Chúa; tiếp đến, qua việc dùng thuật ngữ "Đấng ban sự sống" – một danh hiệu mà Cựu Ước đã dùng để gọi Yahweh – công đồng muốn trình bày cho thấy Thần Khí cũng là Thiên Chúa Hằng Sống; và cuối cùng, nếu đã tuyên xưng Thánh Thần như thế, tất cũng phải dành cho

---

[39] *On the Holy Spirit*, Ch. 10, các số 24-25.
[40] *On the Holy Spirit, Against the Macedonians.*

Người một vinh dự tương xứng: "cùng được phụng thờ" và "cùng được tôn vinh." Trước đó, các Giáo phụ đã áp dụng thuật ngữ *homoousion* (đồng bản tính/thể) cho Thánh Thần, chẳng hạn có thể đọc thấy trong thư *Ad Serapionem,* 1.27 của thánh Atanaxiô; còn thánh Baxiliô thì thích dùng thuật ngữ *homotimos* (đồng vinh dự) hơn; và thánh Grêgôriô thành Nadian đã bàn giải như sau về cách dùng thuật ngữ đó: "... một thiên tính không có sự chênh lệch nhau về bản thể hay bản tính, không có thượng bậc trỗi cao hay thuộc cấp thấp kém... ba thực trạng vô biên trong cùng một bản tính vô biên. Mỗi Ngôi Vị là Thiên Chúa trọn vẹn nơi mình... cả ba Ngôi Vị chỉ là một Thiên Chúa duy nhất" (*Oratio* 42. 41). Thánh Âugutinô nhận định: "Như thế, Cha và Con và Thánh Thần đều là Thiên Chúa; và mỗi Ngôi Vị là Thiên Chúa; cả ba Ngôi Vị là một Thiên Chúa; từng Ngôi Vị riêng lẻ mang cùng một bản tính trọn vẹn và cả ba Ngôi Vị đều mang cùng một bản tính duy nhất... Cả ba Ngôi Vị đều có chung với nhau cùng một thực trạng hằng hữu, cùng một tính cách bất khả biến đổi, cùng một phẩm cách uy nghi và cùng một quyền năng. Nơi Cha thì có đơn nhất tính, nơi Con thì có bình đẳng tính, còn nơi Thánh Thần thì có mối phối hòa giữa đơn nhất tính và bình đẳng tính..."[41] Các Ngôi Vị mở rộng ra cho nhau và tương tại trong nhau, mỗi vị đều "xuất thần" về nhau. "Xuất thần" đây là tình trạng trong đó, mỗi Ngôi Vị trao ban chính mình và hiện hữu trọn vẹn với các Ngôi Vị yêu dấu khác. Trong mối tương tại thần linh (*perichoresis,*[42] tình

---

[41] Thánh Âugutinô, *De Doctina Christiana*, cuốn I, 5. 5.

[42] Thuật ngữ Hy lạp này, *perichoresis*, được dịch sang tiếng Latinh là *circuminsessio* hoặc, đúng hơn, là *circumincessio*, có ý nghĩa chỉ về tình trạng nội tại hỗ tương hay là tình trạng cùng tương thuộc vào

trạng ở trong nhau) này, mỗi Ngôi Vị thông ban sự sống – tức thần tính – cho hai Ngôi Vị kia theo bản tính tuyệt đối duy nhất, dù rằng mỗi Ngôi Vị tồn tại cá biệt trong một "tương quan đối cách" với hai Ngôi Vị kia.[43]

Giáo lý trên đây đã trở thành phổ biến trong thế giới kitô giáo cả bên Đông lẫn bên Tây cho đến ngày nay.

Thực trạng Nhiệm Xuất của Thánh Thần

Đến đây, thiên chuyên khảo sẽ bàn về một vấn đề thần học tỏ ra là khá nhạy cảm, vốn đã từng và vẫn còn là nguyên nhân đưa tới cảnh trạng xung đột giữa các giáo hội bên Đông phương và bên Tây phương. Chủ đề mấu chốt của cuộc tranh luận này là thực trạng *Nhiệm Xuất* – tức cách thức "xuất phát" trong Thiên Chúa Ba Ngôi – của Chúa Thánh Thần. Trải

---

nhau của ba Ngôi Vị; thuật ngữ đó gợi lên ý niệm về một đời sống chung, trong đó, bản tính Thiên Chúa hằng luân chuyển từ Cha, qua Con, đến Thần Khí, Đấng là mối giao kết hay là mối tương ái giữa cả Ba Ngôi. Thuật ngữ này đã được dùng như là động từ, do thánh Grêgôriô thành Nadian (329-389), như là danh từ, do thánh Maximô Hiển tu (580-662) trong cuộc chống lại lạc thuyết nhất chí; còn với thánh Gioan thành Đamasô (675-749), thì thuật ngữ này đã được gán cho một ý nghĩa chuyên môn đầy đủ. Giờ đây, thuật ngữ này đã trở thành phổ biến rộng rãi, được dùng để nhấn mạnh ý niệm hiểu Thiên Chúa như là mối hiệp thông tình yêu, qua đó, các Ngôi Vị hằng trao ban chính mình, trong thực trạng hiệp nhất tuyệt đối. Đôi khi, chúng ta cũng bắt gặp một cách giải thích sai lạc về *perichoresis*, coi đó như là "khiêu vũ quay tròn!" Từ Hy lạp περιχορεσις có nghĩa thực sự là "vũ điệu lượn vòng"; nhưng thuật ngữ thần học chúng ta đang bàn đến ở đây là từ περιχωρεσις, một thuật ngữ được dịch sát nghĩa là: "nhường nhịn xoay vòng," tức là hành vi tự trao hiến cho lẫn nhau, việc chuyển thông đời sống thần linh, v.v..

[43] Durand, Emmanuel, *La Périchorèse des personnes divines: Immanence mutuelle, Réciprocité et communion*, Paris: Cerf 2005.

hàng mấy thế kỷ, cả đôi bên đều đã khai triển các dạng thần học khác biệt nhau và – thường là qua kiểu bút chiến – công kích lẫn nhau. Trong xu thế của một cuộc đối thoại đại kết, tranh điểm đó đã được hai bên đưa ra thảo luận và ít nhiều đã mang lại một số kết quả tích cực. Phần này sẽ thử phân tích một số khía cạnh liên quan đến vấn đề vừa nêu.[44]

Lịch sử vấn đề

Kinh Tin kính của công đồng Côngxtăngtinốp (năm 381) đã hoàn tất bản tuyên tín của Nixêa qua việc bổ sung vào đó một tín khoản thứ ba, xác lập nên một công thức trình bày đức tin vào Chúa Thánh Thần, "Đấng phát xuất từ nơi Cha." Dùng từ *ekporeuomenon* – một thuật ngữ xuất phát từ chữ *ekporeuetai* đọc thấy trong Ga 15:26, và được dịch sang tiếng Latinh là *procedit*, có nghĩa là "xuất phát" hoặc "nhiệm xuất" – là công đồng muốn xác quyết về sự việc thiên tính của Thánh Thần phát nguyên từ nơi Cha, nhưng chẳng mảy may nói gì về cách thức diễn ra của tiến trình "nhiệm xuất" cũng như về vai trò mà Con đóng giữ ở trong đó. Kinh Tin kính của công đồng này đã được nhìn nhận như là một chuẩn mực đức tin, thậm chí, vào hồi đầu thế kỷ 6, lại còn được

---

[44] Xem "The *Filioque*: A Church-Dividing Issue?" An Agreed Statement of the North American Orthodox-Catholic Theological Consultation Saint Paul's College, Washington, DC October 25, 2003; *Spirit of God, Spirit of Christ: Ecumenical reflections on the Filioque controversy*, World Council of Churches, 1981; Jean-Miguel Garrigues, *L'Esprit qui dit "Père!": L'Esprit-Saint dans la vie trinitaire et le problème du filioque*, Paris: Téqui, 1982; Riaud Alexis, *Le Filioque: Origine et rôle de la troisième personne de la Trinité*, Paris: Les fraternités du Saint-Esprit, 1989; Pontificio Consiglio per la Promozione dell'Unità dei Cristiani, *Le tradizioni greca e latina a riguardo della processione dello Spirito Santo*, Città del Vaticano 1996.

các giáo hội ở Antiôkia, Côngxtăngtinốp – cũng như tại các vùng miền khác thuộc phương Đông – tuyên xưng trong phụng vụ Thánh Lễ. Ở bên Tây, giáo hội Visigothic (Tây Ban Nha) cũng đã thích nghi theo truyền thống đó; và để bênh vực cho thực trạng đồng bản tính của Con, tức thiên tính trọn vẹn của Đức Kitô, giáo hội này đã bổ sung vào Kinh Tin kính cụm từ *Filioque* ("và bởi Chúa Con") – muộn nhất là tại công đồng Tôlêđô thứ ba vào năm 589 (bởi thuật ngữ này đã xuất hiện tại công đồng năm 447, ít ra là một số thủ bản đã cho thấy như thế). Về sau, giáo hội Pháp cũng như một số giáo hội Tây phương khác – trong số, cho tới thế kỷ 11, không có giáo hội Rôma – đã đưa cụm từ này vào trong phụng vụ. Bên Tây phương, người ta từng đinh ninh rằng đó là công thức của Côngxtăngtinốp vì một số lý do như sau: trước hết, vì họ thấy cụm từ này xuất hiện nơi các bản sao chép họ có trong tay; kế đến, vì chẳng bao giờ các giáo ấy coi bản tín biểu Nixêa-Côngxtăngtinốp là quy phạm đức tin duy nhất, bởi họ cũng có trong tay kinh Tin kính của các Tông đồ, bản tuyên tín của Atanaxiô (đầu tk. 6) và một số công thức rửa tội khác nữa; cuối cùng, vì cụm từ *Filioque* phản ánh rõ nét giáo huấn của các Giáo phụ Latinh, đặc biệt là của thánh Ambrôxiô và Âugutinô, cũng như đã trở thành một giáo lý phổ biến trong thời đó.

Đến lối cuối thế kỷ 8, liên quan đến việc dùng cụm từ *Filioque*, đã thấy khai mào một số cuộc tranh luận giữa phe hoàng đế Charlemagne với các thần học gia của Rôma, rồi chẳng bao lâu sau, giữa Tây phương với các học giả Bidăntinô. Lúc đó, tranh điểm này đã nhuốm đầy màu sắc chính trị: phía Bidănxiô không muốn thấy một "Đế quốc Rôma Kitô giáo" kình địch hiện diện trong vương quốc của Charlemagne; còn

phía các thần học gia Charlemagne thì cáo buộc Bidăxiô là đã đi theo lạc giáo do chủ trương bài trừ ảnh thánh. Vả, tính chất khiếm khuyết trong các bản dịch tài liệu cũng đã góp phần làm gia tăng thêm mối bất hòa giữa cả đôi bên. Đức Ađrianô I (772-795) đã lên tiếng bênh vực cho đức thượng phụ Taraxiô thành Côngxtăngtinốp trước các lời cáo buộc từ phía đế quốc Pháp. Đổi lại, hoàng đế Charlemagne đã cho biên soạn các cuốn *Libri Carolini* (vào lối 791-794) – để phản đối chủ trương bài trừ ảnh thánh của công đồng năm 754 và công đồng Nixêa họp năm 787 (đã cho phép tôn kính các ảnh tượng) – vì họ đinh ninh rằng cụm từ *Filioque* thực ra chỉ mới xuất hiện trong văn bản của công đồng đại kết trước kia; như thế, thêm một lần nữa, tính cách thiếu chuẩn xác trong vấn đề dịch thuật đã làm gia tăng tình trạng rắc rối, nhầm lẫn. Suốt trong thế kỷ 8, để đương đầu với các mối nguy đến từ nghĩa tử thuyết, một số công nghị tại Âu châu bênh vực cho việc dùng cụm từ *Filioque*. Đầu thế kỷ 9, các giáo sĩ Đông phương đã lên tiếng phản đối về việc cộng đoàn các đan sĩ Latinh tại Giêrusalem hát "sai" kinh Tin kính trong phụng vụ Thánh Lễ; họ đề nghị đức giáo hoàng phải hướng dẫn lại các vị này. Đức Lêô III gửi qua Phương Đông một bức thư, trình bày rằng ngài xác tín về thực trạng nhiệm xuất của Thần Khí từ Cha và Con, nhưng đã không đưa lời tuyên xưng đó vào kinh Tin kính dùng trong phụng vụ; trên thực tế, ngài đã yêu cầu Giáo hội Pháp nên tránh việc đưa cụm từ *Filioque* vào trong Thánh Lễ, song lời khuyến cáo đó đã không được nghe theo. Đến giữa thế kỷ 9, dựa theo những diễn biến chính trị ở Bungari, đức thượng phụ Phôtiút đã ban hành một bức thông điệp, mạnh mẽ kết tội là phạm thượng việc bên Tây phương đã dùng cụm từ *Filioque*; ngài đã biên soạn một số tác phẩm bàn về

điểm vấn nạn đó; nhưng thực ra, ông đã không hiểu rõ nền thần học Tây phương. Sau đó ông đã bị truất vị và phải bị vạ tuyệt thông tại công đồng Côngxtăngtinốp (869) – công đồng mà bên Tây coi là đại kết, nhưng bên Đông thì không. Sau đó, Phôtiút đã chiếm lại ngôi thượng phụ, và một công đồng khác đã được triệu tập tại Côngxtăngtinốp (879-880), có sự tham dự của các đại diện giáo hoàng; dù không được đem ra thảo luận, nhưng cụm từ *Filioque* đã bị đức giáo hoàng Gioan VII cấm dùng trong phụng vụ; tuy thế, các giáo hội địa phương vẫn tiếp tục dùng nó theo thói quen đã từng có từ trước. Trên thực tế, toàn bộ thế giới kitô giáo Tây phương đều đã coi cụm từ *Filioque* như là một cấu tố cơ bản của đức tin kitô giáo; bởi đó, năm 1014, trong cuộc lễ đăng quang của hoàng đế Henry II, kinh Tin kính có cụm từ *Filioque* đã được xướng hát tại Rôma.

Bên cạnh đó, một số yếu tố phụ họa khác cũng đã góp phần làm gia tăng đà khủng hoảng giữa Đông và Tây. Vào năm 1054, đức thượng phụ Michael Kerularios và đức hồng y Humbert thành Silva Candida đã ra vạ tuyệt thông lẫn nhau; song dù gì, sự việc đó vẫn chưa phải là lý do đưa đến một cuộc ly khai chính thức. Các cuộc thập tự chinh – đặc biệt là cuộc thứ 4 vào năm 1204, lúc thành Côngxtăngtinốp bị thất thủ và hàng giáo sĩ Latinh đóng chiếm nơi này cho đến năm 1261 – đã thực sự khoét sâu thêm vết thương tổn trong các mối quan hệ giữa Đông và Tây. Mặc dù vậy, các cuộc đối thoại về thần học giữa đôi bên vẫn tiếp tục tiến hành suốt trong các thế kỷ 11-12, và đã đạt được một số điểm đồng thuận đáng kể; tiếc thay, do diễn biến chính trị ngày càng xấu đi cùng với mối đe dọa từ đội quân Thổ Nhĩ Kỳ, cộng với tình trạng bất đồng về vấn đề quyền bính trong

giáo hội (vai trò của đức giáo hoàng), tiến trình đối thoại thần học giữa đôi bên đã bị gián đoạn.

Phía Bidăntinô đã cầu viện Tây phương giúp đối phó với quân Thổ; một công đồng đã được triệu tập tại Lyon vào năm 1274 với sự hiện diện của hai giám mục bên phía Đông phương. Tại đây, các nghị phụ đã thảo luận về nhiều vấn đề, và cụm từ *Filioque* đã được phê chuẩn cùng với một số quan điểm ủng hộ Tây phương về các phương diện liên quan đến giáo hội học; đức Grêgôriô X (1271-1276) đã ký một bản thỏa ước, công bố chấm dứt tình trạng ly khai giữa đôi bên... Đáng tiếc thay, hàng giáo sĩ bên Đông đã kiên quyết bác bỏ bản thỏa ước đó; thái độ này xem ra không phải là không có lý do, như đức Phaolô VI đã nhận định 700 năm sau đó. Các bước nỗ lực trong tiến trình hàn gắn cũng đã được thực hiện tại Công đồng Ferrara-Florence (1438-1445), với sự góp mặt của các đại diện đến từ Giáo hội Rôma và các Giáo hội Côngxtăngtinốp, Alếcxăndria, Antiôkia và Giêrusalem; tại đây, các bên đã tán thành việc dùng cụm từ *Filioque*, cũng như công nhận tính chân xác của giáo lý này: "Thần Khí nhiệm xuất đời đời từ Cha và Con như là từ một nguyên lý duy nhất và trong một nhiệm xuy duy nhất"; lời tuyên xưng này được xem là tương đương với cách biểu đạt của Đông phương: "từ Cha qua Con." Tình trạng hiệp thông giữa các giáo hội đã chính thức được công bố qua sắc chỉ *Laetentur caeli*, ban hành ngày 6 tháng 7 năm 1439. Dù vậy, cùng với sự việc Côngxtăngtinốp rơi vào tay quân Thổ (1453), bản thỏa ước đã một lần nữa bị bác bỏ vào năm 1484. Từ đó, một thời kỳ ly khai dai dẳng ngột ngạt đã bắt đầu, và mỗi bên đều khai triển cho mình một thể dạng thần học nhằm vào việc phi bác đối phương.

Công đồng Vaticanô II (1962-1965) và các hội nghị Liên Giáo hội Chính Thống (1961-1968) đã thổi một luồng gió mới làm thay đổi bầu khí ngột ngạt của tình trạng ly khai kéo dài. Năm 1965, tại Bắc Mỹ, đôi bên đã chính thức nối lại cuộc đối thoại, và đã cùng nhau thành lập một Ủy ban Đối thoại Thần học giữa hai Giáo hội Chính Thống và Công Giáo vào năm 1979. Theo chiều hướng đó, phía tòa thánh Vaticanô đã tiến hành một loạt các bước nỗ lực nhằm thu hẹp khoảng cách giữa đôi bên, ngưng việc dùng cụm từ *Filioque* trong một số văn kiện, tài liệu khác nhau cũng như trong một vài nghi thức phụng vụ (tất nhiên là không mảy may chối bỏ giáo lý). Ngày 13 tháng 9, 1995, toà thánh Vaticanô đã cho đưa ra một văn kiện mang tên "Truyền thống Hy lạp và Latinh trong vấn đề Nhiệm xuất của Chúa Thánh Thần," và qua đó đã xác nhận tính cách quy phạm bất biến của bản tín biểu Côngxtăngtinốp, cũng như đã xác định là nền thần học Tây phương không hề đi ngược lại với giáo lý đó. Các cuộc đối thoại tại Bắc Mỹ bắt đầu trong các năm 1999 và 2003, và đã cho ra đời một văn kiện chung với kết luận như sau: "Dựa trên các cuộc nghiên cứu chung, chúng tôi nhận ra rằng, kể từ thời các giáo phụ, hai truyền thống thần học của cả Đông lẫn Tây đều đã và đang ở trong một mối giao hòa thâm yếu, xét theo một số điểm xác quyết có tính cách nền tảng về Tam Vị Thánh liên quan đến cuộc tranh luận về từ *Filioque*." Nỗ lực đối thoại đó vẫn không ngừng tiến hành và, với tinh thần bác ái kitô, mong sẽ đạt tới được một kết cục thỏa đáng đối với mọi phía.

Thần học

Đối diện với thực tại bí nhiệm nhất trong mầu nhiệm về Đấng Tuyệt đối, tất thái độ thận trọng và

khiêm nhường là điều tất yếu phải có. Do đó, thiết tưởng cũng cần phải trưng dẫn lời khuyến cáo của Điônyxiô Giả, nói như sau: "Dù có biểu đạt bằng cách dùng đến các thuật ngữ hiệp nhất tính, tam vị tính, duy nhất tính, hữu hiệu tính, cũng như nhờ tới bất cứ một sự vật gì khác – dù đó là một thọ tạo hoặc có thể biết được do một thọ tạo – thì cũng không tài nào diễn tả nổi Mầu nhiệm Thiên Chúa siêu việt, hiện diện trong một thể cách siêu bản tính, ở bên kia giới hạn của mọi trí óc và lý luận, vượt lên trên hết thảy mọi sự."[45] Phần này sẽ thử điểm duyệt một số nét tổng quát về các bước tiến diễn của nền thần học theo truyền thống Latinh, liên quan đến vấn đề nhiệm xuất của Chúa Thánh Thần.

Thuật ngữ

Thần học Công giáo đã khai triển một dạng từ vựng rất chuyên môn để biểu trình về Tam Vị Thánh.

Nguyên lý (tiếng Latinh: *principium*) được hiểu như là cái gốc rễ làm phát xuất ra một sự vật nào đó; Nguyên lý tuyệt đối chính là Cha, Đấng vốn dĩ không "phát xuất" từ một nguyên lý nào khác; hai Ngôi Vị còn lại "do nguyên lý mà ra" (từ Latinh: *principiatum*), tức "phát xuất" từ nguyên lý. Tiến trình "phát xuất" đó được gọi là *nhiệm xuất*, tức Ngôi Vị này có nguồn gốc từ Ngôi Vị kia. Như thế, có đến hai nhiệm xuất: Con xuất phát qua hành động gọi là *nhiệm sinh* (*generatio*) và Thánh Thần xuất phát qua hành động gọi là *nhiệm xuy* (*spiratio*). Bản tính thần linh hay bản thể không phát xuất. Trong các nhiệm xuất, có một bên chủ động, được gọi là chủ nguyên, và một bên thụ động, được gọi là thụ nguyên; mối

45 *On the Divine Names* 13.3.

quan hệ hoặc *tương quan* đó giữa các bên như thế làm nên *Ngôi Vị*, hay *bản vị* (*hypostasis*); căn tính của mỗi Ngôi Vị được xác định rõ qua "các tương quan đối cách" – hay nói cách khác, qua các mối tương quan xác định lẫn nhau dựa theo nguồn gốc. Nhất thiết phải nhìn nhận rằng, trong Thiên Chúa, không có chuyện chủ nguyên giữ quyền ưu tiên trên thụ nguyên, cũng chẳng hề có vấn đề ai là nguyên nhân của ai do nguyên nhân mà có, và không có Ngôi Vị nào mang nhiều thần tính hơn Ngôi Vị nào, và cứ tiếp tục như thế. Qua đó, có thể thấy rằng đằng sau thuật ngữ vừa nêu là cả một hệ thống ý niệm thuộc phạm trù triết học (mà ở đây, thiên chuyên khảo sẽ không bàn tới).

Về Chúa Thánh Thần, đặc niệm hay đặc thù cách[46] của tiến trình *Nhiệm xuy* cần phải được hiểu cho minh bạch, xác đáng hơn. Thần học Latinh đã dùng động từ *procedere* (phát xuất) để dịch các từ ngữ Hy lạp khác nhau, như: từ *exelthon* đọc thấy trong Ga 8:12: "Tôi phát xuất từ Thiên Chúa," từ *exporeuetai* được dùng trong Ga 15:26: "Đấng Bảo Trợ... xuất phát từ Chúa Cha"; thần học Hy lạp quy gán cho hai động từ vừa nói những ý nghĩa khác nhau. Cần hiểu là Thánh Thần được "nhiệm xuy" bởi vì Người được phát xuất qua hành động "thổi hơi," như đọc thấy trong Ga 20:22: lúc hiện ra với các môn đệ, Đấng Phục sinh đã "thổi hơi (Latinh dùng từ *spirare*) vào

---

46 "Đặc niệm" hay "đặc thù cách" là một thuật ngữ chuyên môn được dùng trong thần học Ba Ngôi. Thuật ngữ này có ý nghĩa chỉ về một nét đặc thù nào đó giúp cho nhận ra từng Ngôi Vị cũng như để phân biệt giữa các Ngôi Vị với nhau. Phẩm cách đó mang tính chất trừu tượng, bởi vì tất cả mọi danh hiệu cụ thể trong Ba Ngôi đều là các Ngôi Vị. Các phẩm tính đặc thù có thể kể ra là: bất khả thụ sinh tính, phụ tính, tử hệ tính, chủ xuy cách, và thụ xuy cách.

các ông và bảo: 'Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần'." Lúc Đức Giêsu trút hơi thở (Latinh: *exspirare*) trên thập giá, Người trao Thần Khí (x. 19: 30). Hành động thổi hơi (*spirare*) là cách thức làm cho Thần Khí, hay gió, chuyển động. Tổng hợp các cách diễn tả đó, các thần học gia đã cho ra đời thuật ngữ *spiratio*. Như thế, việc dùng từ *nhiệm xuy* là để biểu đạt về cách thức Thánh Thần phát xuất. Do bởi các nguồn gốc trong Ba Ngôi đều phát xuất từ các mối tương quan, nên thực trạng nhiệm xuy phải được hiểu là bao hàm cả hai khía cạnh: chủ xuy, tức tác động thần linh làm phát xuất ra Thần Khí, và thụ xuy, tức hành vi thụ nhận tác động thần linh từ phía Thần Khí; đây chính là mấu điểm dẫn đến hai cung cách hiểu khác nhau giữa Đông và Tây. Kinh Tin kính của Côngxtăngtinốp trình bày: Chúa Thánh Thần phát xuất từ nơi Cha; và phía Hy lạp hiểu là: phát xuất từ *một mình* Cha; còn phía Latinh lại hiểu là: phát xuất từ Cha *và Con*.

Một thuật ngữ khác cũng cần được giải thích, đó là: *sứ mạng*. Qua các sách Tin mừng, Đức Giêsu nói rằng Ngài được sai đến (x. Mt 10:40; 15:24; 21:37; Ga *passim* = có nhiều đoạn đề cập đến); Thánh Thần cũng được miêu trình như là Đấng được sai đến (x. Ga 14:26; Gl 4:4; v.v.). Các sứ mạng này giả thiết việc bao hàm một chủ thể của hành động sai đi: Cha sai Con; Cha (x. Gl 4:6) và Đức Giêsu Kitô (x. Ga 16:7) cùng sai Thánh Thần. Trong sứ mạng của Thần Khí, cả Cha và Con đều cùng hoạt động: "Thánh Thần mà Chúa Cha sẽ sai đến nhân danh Thầy..." (Ga 14:26), và: "Đấng mà Thầy sẽ sai đến với anh em từ nơi Chúa Cha..." (15:26); dựa vào đó, về sau, thần học Latinh sẽ triển khai một điểm giáo lý về thực trạng nhiệm xuất của Thánh Thần. Đối với người kitô, sứ mạng ấy kết thúc với sự việc Thánh Thần cư

ngụ trong linh hồn các tín hữu. Cuối cùng, cũng có thể thấy là thần học đã dùng thuật ngữ *biệt ứng/quy cách* (*appropriation*) để biểu đạt cách thức con người quy gán một tác động thần linh hoặc một phẩm tính – vốn dĩ là thuộc chung của cả Ba Ngôi – cho một Ngôi Vị duy nhất nào đó; bởi vậy, công cuộc sáng tạo được quy gán cho Cha, công cuộc cứu chuộc cho Con, và công cuộc thánh hóa cho Thần Khí, dù thực tế là cả Ba Ngôi đều phối hiệp thực hiện các hoạt động đó (DH 800, 3814).

Đức tin Công giáo

Giáo hội nhìn nhận kinh Tin kính Nixêa-Côngxtăngtinốp là quy phạm đức tin và, do đó, đã coi cụm từ bổ sung "và bởi Chúa Con" (*Filioque*) như là một cung cách giải thích làm sáng tỏ bản văn gốc, cũng như phản ánh cho thấy đức tin chính truyền của Giáo hội Tây phương. Trên thực tế, liên tục hàng mấy thế kỷ, bên Đông đã không hề lên tiếng bác bỏ điều này. Dù vậy, lúc các cuộc tranh luận bùng nổ, điểm giáo lý ấy càng được thần học tinh chỉnh và làm cho sáng rõ hơn nhờ các nguồn Mạc khải và Truyền thống.[47]

Công bố về việc Thánh Thần sẽ đến, Đức Giêsu bảo rằng: "Khi nào Thần Khí sự thật đến, Người sẽ dẫn anh em tới sự thật toàn vẹn. *Người sẽ không tự mình nói điều gì*, nhưng tất cả những gì *Người nghe*, Người sẽ nói lại, và loan báo cho anh em biết những điều sẽ xảy đến. Người sẽ tôn vinh Thầy, và *Người sẽ lấy những gì của Thầy* mà loan báo cho anh em. *Mọi*

---

[47] Về một cách thức bàn giải cổ xưa liên quan đến vấn đề này, xin xem A. Palmieri, "La procession du Saint-Esprit du Père et du Fils" trong A. Vacant, *Dictionnaire de Théologie Catholique*, V, 1913, col. 762-829.

sự Chúa Cha có đều là của Thầy; vì thế, Thầy đã nói: Người lấy những gì của Thầy mà loan báo cho anh em" (Ga 16:13-15). Thần học lý luận cho rằng, bởi vì Con có *mọi sự* Cha có, mà Cha là nguồn gốc của Thần Khí, tất Con cũng là nguồn gốc của Thần Khí, dù Con "bởi Cha mà có." Hơn nữa, nếu Thần Khí lãnh nhận nguồn tri thức từ nơi Con, tất Người cũng lãnh nhận cả hữu thể từ Con, bởi vì, trong Thiên Chúa, tri thức và hữu thể là một. Trong nền thần học Ba Ngôi, có một tiên đề (châm ngôn) như sau: nhiệm cục Tam Vị và Tam Vị tự tại là như nhau. Tam Vị "nhiệm cục" là Thiên Chúa Ba Ngôi trong tư thế biểu lộ chính mình ra trong lịch sử cứu độ và "cho chúng ta"; trong khi đó, Tam Vị "tự tại" là Ba Ngôi Thiên Chúa hằng hiện hữu trong chính mình, trong mầu nhiệm siêu việt của cuộc hiện hữu thần linh thẳm sâu. Con người chỉ biết được Thiên Chúa qua những hành động Người thực hiện; do đó, qua cung cách hành động, các Ngôi Vị thần linh biểu lộ cho thấy bản chất của mình; như thế, nếu Thần Khí được Con sai đến, tất Người cũng bởi Con mà ra. Cha không thể được "sai đi" bởi vì Người không phát xuất từ bất cứ Ngôi Vị nào.

Mối tương quan giữa Thần Khí với Cha và với Con có một số đặc điểm chung, nhận ra được nhờ Kinh Thánh miêu trình cho thấy về "Thần Khí của Cha," và về "Thần Khí của Con": "Nhưng anh em không bị tính xác thịt chi phối, mà được Thần Khí chi phối, bởi vì *Thần Khí của Thiên Chúa* ngự trong anh em. Ai không có *Thần Khí của Đức Kitô*, thì không thuộc về Đức Kitô" (Rm 8:9), hoặc "*Thiên Chúa* đã sai Thần Khí *của Con mình* đến ngự trong lòng anh em mà kêu lên: 'Ápba, Cha ơi!'" (Gl 4:6). Ngôi Ba được gọi là "Thần Khí của Đức Giêsu Kitô"

(cũng xem Pl 1:19; Cv 16:7); như thế, cách gọi này chỉ có thể mang ý nghĩa cho thấy rằng cả Ngôi Hai và Ngôi Ba đều có một "tương quan đối cách" lẫn nhau, tức tương quan về nguồn gốc. Nếu Ngôi Ba được gọi là "Thần Khí của Cha" vì Người phát xuất từ Cha, thì lẽ tất "Thần Khí của Con" cũng phải do bởi Con mà ra.

Liên quan đến vấn đề đang bàn, các học giả cũng đã lý luận dựa trên ý nghĩa biểu tượng của nước. Đức Giêsu nói: "Ai khát, hãy đến với tôi; ai tin vào tôi, hãy đến mà uống; như Kinh Thánh đã nói: từ lòng Người, sẽ tuôn chảy những dòng nước hằng sống. Đức Giêsu muốn nói về Thần Khí mà những kẻ tin vào Người sẽ lãnh nhận..." (Ga 7:37-39). Dù cách chấm câu trong văn đoạn còn là đầu đề bàn cãi, thì dựa trên các văn đoạn Kinh Thánh tương tự khác, nhiều Giáo phụ đã hiểu từ "Người" – trong câu "từ lòng Người..." – là chính Đấng Mêsia; văn đoạn Is 48:21 miêu tả về sự việc dân Ítraen đã uống dòng nước chảy ra từ tảng đá, và thánh Phaolô đã nhận định cho rằng "tảng đá ấy chính là Đức Kitô" (1Cr 10:4), và từ lòng Người, "máu cùng nước chảy ra" (Ga 19:34). Tiếp đó, sách Khải huyền cũng nói về "một con sông có nước trường sinh, sáng chói như pha lê, chảy ra từ ngai của Thiên Chúa và của Con Chiên" (Kh 22: 1). Liên kết tất cả các văn đoạn Kinh Thánh đó lại với nhau – để thấy rằng nước là một biểu tượng rõ ràng chỉ về Thần Khí – thì có thể rút ra một kết luận xác đáng là: "nước", tức Thần Khí, chảy ra từ Đức Kitô; mà Đức Kitô và Cha lại cùng ngự trên một ngai duy nhất, nên cả hai Ngôi Vị này đều là một "nguồn gốc" duy nhất của Thần Khí.

Các Giáo phụ đã dựa vào "tín khố" này để khai triển các điểm giáo lý phù hợp với những nhu cầu

đặc thù của mỗi cộng đoàn tín hữu. Ở bên Tây, Téctulianô trước đó đã dùng công thức *a Patre per Filium*, ám chỉ rằng Thần Khí phát xuất "từ Cha qua Con,"[48] và thánh Hilariô thành Poitiers đã viết rằng "chúng ta buộc phải tuyên xưng là Người phát xuất từ Cha và Con."[49] Kể từ thánh Ambrôxiô trở đi (tk. 4), cụm từ *Filioque* đã trở thành một công thức phổ biến, và không gặp phải bất kỳ một thái độ phản bác nào từ các Giáo phụ Đông phương. Thánh Âugutinô,[50] thánh Lêô Cả,[51] đã triển khai các giáo huấn về điểm giáo lý này và làm cho nó trở thành phổ biến trong khắp Giáo hội Latinh. Ở bên Đông, thánh Baxiliô Cả được coi là người gây được ảnh hưởng nhiều nhất liên quan đến vấn đề này; dựa theo thánh Atanaxiô, ngài đã viết như sau khi khẳng quyết rằng mối tương quan giữa Thần Khí với Con cũng giống như là mối tương quan giữa Con với Cha: "yếu tính tốt lành, sự thánh bẩm sinh và phẩm cách vương giả tuôn chảy từ Cha, qua Con Một duy nhất, đến Thần Khí."[52] Thánh Grêgôriô thành Nixa đã dùng công thức "từ Cha, qua Con, đến Thánh Thần,"[53] và công thức này đã trở nên phổ biến ở khắp bên Đông. Trong số các Giáo phụ Đông phương, thánh Cyrilô thành Alếcxăndria (†444) được coi là vị giáo phụ có giáo huấn gần nhất với

---

[48] *Adversus Praxeam* 4.

[49] *De Trinitate* 2.29, PL 10.69. *Patre et Filio auctoribus*, được dịch theo các cách khác nhau: nhờ Cha và Con chấp thuận, hoặc: dựa vào Cha và Con.

[50] *De Trinitate* 15.26.47; trong *Jo Evang.* tract. 99.8

[51] *Sermo* 75.3.

[52] *De Spiritu Sancto* 17.43; 18.47. Ngài cũng viết: "Mối tương quan của Thần Khí với Con cũng tương tự như của Con với Cha" (*Ad Ser.* 1.21), ý niệm mà thánh Baxiliô từng giải thích trong *De Sp. Sancto*, 43.

53 *Contra Eunomim* 1.

phía Latinh; bình luận về văn đoạn Kinh Thánh nói rằng Thần Khí là "Thần Khí của Đức Kitô", ngài đã viết cho Nestôriô như sau: "... do đó, Người [Thần Khí] từ Đức Kitô mà ra, hệt như Người phát xuất từ Cha vậy."[54] Bàn về Ba Ngôi Thiên Chúa, ngài viết: "Bởi vì Thánh Thần – Đấng được sai đến với chúng ta và làm cho chúng ta nên giống Thiên Chúa – phát xuất từ Cha và Con, nên hiển nhiên là Người mang lấy bản tính thần linh..."[55]

Đức tin của Giáo hội được tổng hợp một cách sít sao, chặt chẽ, thể hiện qua các bản tuyên tín hoặc các tín biểu. Thoạt đầu, chúng xuất hiện như là những bản toát lược đức tin được dùng trong phụng vụ phép rửa. Các công thức cổ xưa nhất chỉ đơn thuần tuyên xưng đức tin vào Cha, Con và Thánh Thần; kinh Tin kính của các Tông đồ đã triển khai thêm một số tín khoản, và về sau, bản tín biểu của Nixêa-Côngxtăngtinốp đã cho thấy tính chất ngày càng phong phú hơn trong cung cách biểu đạt đức tin của Giáo hội. Bản tuyên tín của đức giáo hoàng Đamasô (tk. 4), gọi là *Fides Damasi*, đã lên tiếng bênh vực cho thiên tính của Thần Khí, song lại chẳng đả động chi đến vấn đề nhiệm xuất (x. DH 71). Kinh Tin kính của thánh Atanaxiô (*Quicumque*, tk. 5), một bản toát lược đức tin của Giáo hội đương thời về Ba Ngôi, đã tuyên bố rõ như sau: "Chúa Thánh Thần không phải đã được dựng nên hay được tạo thành, cũng chẳng đã được sinh ra, nhưng phát xuất từ nơi Cha và Con." Từ đó trở đi, tất cả mọi lời tuyên xưng đức tin đều bao hàm công thức này. Về sau, các công đồng bên Tây phương đã chính thức đưa điểm giáo lý này vào trong công tác giáo huấn; chẳng hạn, công đồng

54 *Epist. Cyrilli ad Nestorium*, xiii.
55 *De sancta et consubst. Trinitate* 34, PG 75.585

Latêranô thứ 4 (năm 1215) đã tuyên xưng như sau: "Cha và Con có cùng bản tính; do vậy, Cha và Con là thực thể như nhau, và Thánh Thần, Đấng phát xuất từ cả hai, cũng thế" (DH 805). Công đồng Flôrenxô – với sự tham dự của các vị đại diện từ phía Hy lạp – qua sắc chỉ *Laetentur caeli* (1439), đã tuyên bố rõ như sau về thực trạng nhiệm xuất: "Chúa Thánh Thần hằng từ Cha và Con mà ra; bản thể và sự hiện hữu của Người là từ Cha và từ Con mà có; Người hằng phát xuất từ cả hai như là từ một nguyên lý duy nhất và một nhiệm xuy duy nhất... Và chúng tôi công bố rằng những gì các thánh Tiến sĩ và các Giáo phụ đã dạy về việc Chúa Thánh Thần phát xuất từ Cha qua Con, là nhằm biểu thị cho thấy Con, cũng giống như Cha, là 'nguyên nhân' – theo từ ngữ Hy lạp – hay là 'nguyên lý' – theo từ ngữ Latinh – cho sự hiện hữu của Thánh Thần" (DH 1300-1301). Tiếp đó, trong *Sắc lệnh gửi cho phái Giacôbita* (1442) cũng đọc thấy những dòng như sau: "Tất cả những gì Cha có, là Người có từ nơi chính mình, chứ không lấy từ đâu khác, bởi vậy, Người là chủ nguyên vô khởi (*principle without principle*); tất cả những gì Con là và Con có, là do từ nơi Cha, nên Con là nguyên lý từ nguyên lý; tất cả những gì Thánh Thần là và Thánh Thần có, là từ nơi Cha và, đồng thời, từ nơi Con. Dù vậy, Cha và Con không phải là hai nguyên lý của Thánh Thần, nhưng chỉ là một nguyên lý duy nhất, như Cha và Con và Thánh Thần không phải là ba nguyên lý của công cuộc sáng tạo, nhưng chỉ là một nguyên lý duy nhất mà thôi" (DH 1331).

Công cuộc đối thoại ngày nay đang chứng thực cho thấy rằng kết luận đó của công đồng quả thực là xác đáng. Trên thực tế, phải nói là đôi bên Đông-Tây đều có chung một đức tin dù cho hai nền thần học có thể

có những điểm nhấn khác biệt nhau, vốn dĩ là điều chẳng lấy gì làm lạ đối với một vấn đề nhiệm mầu hết sức sâu thẳm như thế. Từ xưa đến nay, bao giờ thần học cũng thấy là bất cứ giải thuyết nào để giải trình vấn đề nhiệm xuất của Thánh Thần cũng đều tỏ ra lúng túng; bởi vì các Ngôi Vị là những "tương quan tự hữu" và phân biệt với nhau chỉ qua "mối tương quan đối cách", nên tất yếu là nếu Thánh Thần phát xuất duy chỉ từ Cha, thì Người sẽ rơi vào tình trạng bất khả phân biệt khỏi Con: ở trong tư thế đối cách với Cha, Người ắt phải là một Con (khác), và khi đó, Con và Thánh Thần sẽ không có một mối quan hệ tương hỗ (*mutual relationship*) nào cả. Thần học Latinh một mực quả quyết rằng Chủ xuy của Thánh Thần là một, nên Cha và Con cùng là một Chủ xuy duy nhất, chứ không phải là hai, bởi vì hai chủ thể (Cha và Con) cùng chung phần với nhau trong một dạng thể duy nhất (nhiệm xuy); nếu lý luận theo cung cách tương tự, thì ba Ngôi Vị đều là một Thiên Chúa và một Vị Sáng tạo duy nhất, bởi vì ba chủ thể (Cha, Con, Thánh Thần) cùng chung phần với nhau trong một dạng thể duy nhất (thần tính, hoặc thiên tính) và một hành động duy nhất. Tuy nhiên, để tránh làm khơi dậy những cảm giác không hay từ phía Đông phương, một số văn kiện – chẳng hạn như Tuyên ngôn *Dominus Jesus* (năm 2000) – đã tránh dùng cụm từ *Filioque* trong kinh Tin kính.

Một số thần học gia hiện đại đã thử đặt câu hỏi liệu xem Thần Khí có đóng giữ một vai trò nào đó trong tiến trình nhiệm xuất của Con (nhiệm sinh)[56]

---

[56] Xin xem Alasdair I. C. Heron, *The Holy Spirit*, Philadelphia: Westminster Press, 1983, tr. 177; Frederick E. Crowe, *Son of God, Holy Spirit, and World Religions: The Contribution of Bernard Lonergan*

hay không. Nếu nhiệm cục của Ba Ngôi biểu lộ cho thấy thực trạng Tam Vị tự tại, thì đâu là những hệ quả phản ánh vai trò của Thần Khí trong sứ vụ của Con? Thần Khí đã được sai đến với Đức Maria để tạo nên tác động trên cuộc Nhập Thể; Người được sai đến với Đức Giêsu trong cuộc chịu phép rửa để khai mở sứ vụ công khai của Ngài; Ngài là "Đấng Kitô", nghĩa là *được xức dầu* bởi Thần Khí, v.v.; vậy, liệu thần học có thể nghĩ về một thực trạng hỗ tương giữa Con và Thần Khí trong các cuộc nhiệm xuất đời đời kia không? Nếu có một mối tương quan mật thiết trong các sứ vụ của Con và Thần Khí, thì phải chăng cũng có một "căn nguyên" trong nguồn gốc đời đời của các Đấng ấy? Cha sinh ra Con trong tình yêu, hay trong *Tình Yêu? Tình Yêu* đó có phải là Thần Khí? Nêu một số vấn nạn như thế là để thấy rằng: càng nỗ lực suy tư về mầu nhiệm bao nhiêu, thì mầu nhiệm ấy lại càng trở nên huyền nhiệm bấy nhiêu. Trong Sắc Lệnh về Truyền giáo, Vaticanô II đã kêu mời nâng tâm hồn lên cho tới "... 'suối tình yêu' và cũng là lòng thương của Thiên Chúa, vì chính Ngài là Nguyên lý vô Nguyên lý, từ bởi Ngài Chúa Con được sinh ra, và cũng từ bởi Ngài và nhờ Chúa Con mà phát xuất Chúa Thánh thần..." (AG 2).

Nhiệm xuất Tình Yêu

Năm 1968, "năm Đức tin", đức Phaolô VI đã cho ban hành *Kinh Tin kính của Dân Thiên Chúa*, trong đó ngài viết rằng: chúng tôi tin... "vào Chúa Thánh Thần, Ngôi Vị vô tạo phát xuất từ Cha và Con như là tình yêu đời đời của hai Đấng." Thần học Latinh đã khai triển các phép loại suy của tâm lý học để "cắt

---

to the Wider Ecumenism, Chancellors Address, số 2, Toronto: Regis College, 1984, tr. 8.

nghĩa" về Thiên Chúa Ba Ngôi; theo đó, Con, tức *Ngôi Lời*, phát xuất bởi tiến trình hoạt động trí tuệ, và Thần Khí, tức *Tình Yêu*, phát xuất bởi tiến trình hoạt động ý chí. Thánh Tôma Aquinô giải thích như sau:

> "Có hai thực trạng nhiệm xuất trong Thiên Chúa: một là nhiệm xuất của Lời, rồi còn một nhiệm xuất khác nữa. Muốn nhận biết được điều đó, thì cần phải quan sát để thấy rằng tiến trình nhiệm xuất trong Thiên Chúa chỉ diễn ra theo một cách thức, trong đó, các hoạt động không nhằm vào bất cứ điều gì ngoại tại, song vẫn được duy trì nơi chính nguyên nhân của nó. Trong một bản thể có lý trí, một hoạt động như thế được coi là hoạt động của trí tuệ và của ý chí. Tiến trình nhiệm xuất của Lời diễn ra qua một hoạt động trí tuệ. Hoạt động của ý chí – như thấy trong bản thân chúng ta – luôn kéo theo một thực trạng nhiệm xuất khác: nhiệm xuất tình yêu, qua đó, đối tượng được yêu hiện diện ở trong người yêu; cũng tương tự, qua những gì mà lời nói chuyển tải, đối tượng được nói đến, hoặc được hiểu, hiện diện ở trong tác nhân trí tuệ. Do vậy, bên cạnh tiến trình nhiệm xuất của Lời trong Thiên Chúa, còn tồn tại trong Người một tiến trình nhiệm xuất khác được gọi là nhiệm xuất tình yêu."[57]

Bởi vì Thiên Chúa là tình yêu, nên trong Thiên Chúa Ba Ngôi, mọi nhiệm xuất đều khởi phát trong Tình Yêu.[58] Cha sở hữu bản thể thần linh lúc Người cho đi (DH 528) – tức là tiến trình tự hủy nguyên thủy – và làm phát xuất Thần Khí trong tình yêu với Con, nhưng đồng thời, Người cũng sinh ra Con trong

---

[57] Thánh Tôma Aquinô, *Tổng Luận Thần Học*, I q.27 a.3.

[58] Hans Urs von Balthasar, "The Holy Spirit as Love," trong *Creator Spiritus*, vol. 3 của *Explorations in Theology*, bản dịch của Brian McNeil, C.R.V. (San Francisco: Ignatius Press, 1993), tt.117-134.

tình yêu ("Như Cha đã yêu Thầy..." Ga 15:9). Thánh Âugutinô nhận định rằng tình yêu hằng kiếm những ai ngang nhau hoặc làm cho họ trở nên ngang nhau. Trong Thiên Chúa, thực trạng nhiệm xuất – tức được sinh ra hay được phát xuất – là một "biến cố" đời đời, trong đó, tình yêu đảm bảo cho việc không có bất cứ một tình trạng lệ thuộc nào, bởi vì thực kiện nhiệm sinh-nhiệm xuất chỉ bao hàm việc đón nhận và tự trao ban cho lẫn nhau của các Ngôi Vị. Hiệp nhất tính theo bản thể, trong mối tương tại (*perichoresis*) của các Ngôi Vị, không loại trừ nhưng, trái lại, làm cho có thể và bảo toàn tính chất khác biệt giữa các Ngôi Vị thần linh; dù vậy, chính tình yêu đã cấu thành một mối hiệp nhất liên bản vị phong phú vô ngần, vốn mang tính chất giống hệt nhau trong từng ngôi vị và, cùng lúc, được biểu lộ theo một cung cách độc nhất và hoàn toàn khác biệt nhau. Óc suy luận dựa trên lý trí sẽ chẳng thể nào có khả năng làm cho sáng tỏ được các vấn nạn nan giải liên quan đến giáo lý; dù vậy, qua thái độ kết hiệp thâm sâu trong cầu nguyện – nhất là qua kinh nghiệm thần nghiệm – con người mới khả dĩ tìm được một lối ngả dẫn vào mầu nhiệm; và "khi đó, Chúa Thánh Thần sẽ xuất hiện hẳn như là mầu nhiệm của tình mật thiết và căn tính thần linh, của thực trạng tương tại hay bất nhị phân (*advaita*) giữa Cha và Con, và nhờ đó, của thực trạng bất nhị phân (*advaita*) giữa Thiên Chúa với con người."[59]

Đức Gioan Phaolô II viết: "Trong đời sống mật thiết của mình, Thiên Chúa 'là tình yêu' (x. 1Ga 4:8.16), là mối tình thiết yếu được sẻ chia với nhau giữa ba Ngôi Vị thần linh: hiện thân của tình yêu là

[59] Jacques Dupuis, S.J., *Towards a Christian Theology of Religious Pluralism, Gujarat Sahitya Prakash*, Anand, 2001, tr. 277.

Chúa Thánh Thần, Đấng là Thần Khí của Cha và Con. Bởi đó, Người 'thấu suốt mọi sự, ngay cả những gì sâu thẳm nơi Thiên Chúa' (1Cr 2:10) và là Tình Yêu-Ân Huệ vô tạo. Có thể nói rằng, trong Chúa Thánh Thần, đời sống mật thiết của Ba Ngôi Thiên Chúa trở nên một ân huệ trọn vẹn, một tình trạng chuyển thông của mối tương ái giữa các Ngôi Vị thần linh; và thông qua Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa hiện hữu trong dạng thức là ân huệ (*Tổng Luận Thần Học,* Ia, qq. 37-38). Chúa Thánh Thần chính là hiện thân của ân huệ tự trao ban, của tình yêu hằng hữu. Người là Ngôi Vị-Tình Yêu. Người là Ngôi Vị-Ân Huệ."[60]

Thánh Âugutinô nói rằng, trong bất cứ một hành vi biểu lộ tình yêu nào cũng đều có ba thực thể luôn được bao hàm: người yêu, người được yêu, và tình yêu.[61] Tự danh hiệu chỉ về Người (tức tự bản chất), Chúa Thánh Thần chính là tình yêu (ân huệ và sự thánh thiện); dù vậy, tình yêu đòi hỏi phải có hai bên đối tác trao cho nhau, tức là Cha và Con, Đấng sinh ra và Đấng được sinh ra, một "cặp đôi" có khả năng sinh xuất;[62] do đó, Ngôi Vị-Tình Yêu này đảm bảo cho hiệp nhất tính giữa các Đấng Yêu (Cha và Con) với thực trạng phân biệt (tức cá vị tính) của Người khỏi hai Đấng ấy; Người phát xuất từ cả hai nhưng như là từ một nhiệm xuất duy nhất. Vì thế, Chúa Thánh Thần được gọi là mối giao kết tình yêu giữa Cha và Con bởi hai Ngôi Vị này, với tình yêu thương

---

[60] Thông điệp *Dominum et vivificantem*, 10.

[61] *De Trinitate* VIII, 10.14; IX.2.2.

[62] Nhất thiết phải tránh ngộ nhận trong cách hiểu về các từ ngữ "cặp đôi" và cha-mẹ; bàn đến những thực tại thuộc lãnh vực mầu nhiệm như thế này, tất buộc phải dùng đến loại ngôn ngữ hoặc là lối biểu đạt mang tính cách ẩn dụ cao độ, trong đó, mọi dạng cách so sánh đều tỏ ra khập khiễng.

lẫn nhau, hằng làm phát xuất Tình Yêu; nói cách khác, Người là mối hiệp thông đồng bản tính của Cha và Con.[63] Song dù gì, các phép loại suy như thế tỏ ra là hết sức bất toàn và chỉ có thể dẫn đến một kết luận duy nhất: trí óc con người không thể nào thấu suốt mầu nhiệm Thiên Chúa được. Tuy thế, cũng mong sao cuộc đối thoại thẳng thắn giữa các thần học gia thuộc hai bên, Giáo hội Chính thống và Giáo hội Công giáo, sẽ có thể đề xuất được một dạng cách tổng hợp mới mẻ, có khả năng làm cho trí óc no thỏa hơn, cũng như góp phần mang lại những cung cách thờ phượng phong phú, dồi dào hơn.

[63] Quả là thú vị khi đọc thấy thánh Phaolô quy gán "ơn hiệp thông" cho Thần Khí: "Ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, tình thương của Thiên Chúa, và ơn hiệp thông của Thánh Thần" (2Cr 13:13).

TRONG SỐ NÀY

Lời Nói Đầu.....1

Thần Khí Học.....5

Chúa Thánh Thần trong Kinh Thánh.....18

Nguồn Gốc Giáo Lý về Chúa Thánh Thần.....58

Thần Học về Chúa Thánh Thần.....87

Thần Khí với Giáo Hội.....157

HTTH Số 43&44 Năm XVIII (2008)